SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103011134 đăng ký lần đầu 06 tháng 03 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 07 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số ...../ĐKNY do Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán cấp ngày ..... tháng .....năm .....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. **Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO**

   Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. **Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

- Hội sở Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Ly Ly Chức vụ: Thư ký Công ty

Số điện thoại: (84-04) 3 8622 727 Fax: (84-04) 3636 0023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 010311134 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần 08 ngày 07 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phần niêm yết: 1.561.244 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 15.612.440.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

- Công ty TNHH Tư vấn Thuế - Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVINA)

  Địa chỉ: P303, C7 Mỹ Đình I, Từ Liêm, Hà Nội

  Điện thoại: 04.2287 2121 Fax: 04.2287 1799

TỔ CHỨC TƯ VẤN

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

  Trụ sở chính:

  Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  ĐT: (08) 3824 2897 Fax: (08) 3824 2997

  Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

- CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

  ĐT: (08) 3821 8567 Fax: (08) 3821 3867

- CN Vũng Tàu - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: Số 4 Lê Lợi, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh

  ĐT: (064) 352 1906 Fax: (064) 352 1907

- CN Nha Trang – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, TP Vũng Tàu

  ĐT: (058) 381 6969 Fax: (058) 381 6968

- CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

  Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

  ĐT: (04) 3936 6321 Fax: (04) 3936 6311

- CN Hàm Long – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội

  Điện thoại: (04) 3942 6718 Fax: (04) 3942 6719

- CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

  ĐT: (031) 356 9123 Fax: (031) 356 9130

- CN Quảng Ninh - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

  Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Đại Hải, 156B Lê Thánh Tông, Quảng Ninh

  ĐT: (033) 381 5678 Fax: (033) 381 5680

MỤC LỤC

MỤC LỤC 4
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6
1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về pháp luật 6
3. Rủi ro về kinh doanh 7
4. Rủi ro đặc thù trong ngành viễn thông 7
5. Rủi ro đặc thù của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh 7
6. Rủi ro của dự án xây dựng nhà làm việc 8
7. Rủi ro tỷ giá 8
8. Rủi ro khác 8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ... 8
1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO 8
2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội 9
III. CÁC KHÁI NIỆM 9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 9
1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết 9
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 12
3. Cơ cấu tổ chức Công ty 14
4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 14
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông 21
6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết. 22
7. Hoạt động kinh doanh 22
8. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm báo cáo 2008, 2009 38
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 38
10. Chính sách đối với người lao động 41
11. Chính sách cổ tức 43
12. Tình hình hoạt động tài chính 43
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng 49
14. Tài sản 59
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010-2012 60
16. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 62
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết . 63

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết 63

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 63

1. Loại chứng khoán 63
2. Mệnh giá cổ phiếu 63
3. Tổng số chứng khoán niêm yết 63
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức hiện hành 63
5. Phương pháp tính giá 64
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 65
7. Các loại thuế có liên quan 65

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 65

1. Tổ chức Tư vấn 65
2. Tổ chức kiểm toán 65

VII. PHỤ LỤC ..... **Error! Bookmark not defined.**

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việc Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO ngày 07/11/2007 đánh dấu sự hòa nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Song hành cùng cơ hội mà các Doanh nghiệp Việt Nam được hưởng lợi do tham gia WTO, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ chịu nhiều tác động hơn từ nền kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu từ cuối năm 2007 khiến nền kinh tế các nước trên thế giới rơi vào suy thoái. Do những nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản (những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam) đều đang hứng chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng nên Việt Nam cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng. Tổng mức đầu tư trong toàn xã hội giảm, kéo theo tỷ lệ tăng trưởng GDP giảm. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2008 tăng 22,97%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007(1).

Tuy nhiên, với những chính sách điều hành kinh tế vĩ mô hợp lý của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đang dần vượt qua những khó khăn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,18% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch., GDP năm 2010 tăng 6,78% so với năm 2009. Trong điều kiện kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế nước ta đã sớm ra khỏi tình trạng suy giảm, từng bước phục hồi và tăng trưởng khá nhanh trong năm 2010, nhất là về cuối năm đây là tín hiệu tốt cho sự phát triển kinh tế các năm tiếp theo. Tuy nhiên, trong những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam luôn ở trong tình trạng lạm phát tương đối cao. Năm 2010, mức lạm phát là 11,75%.

Khi kinh tế phát triển, thu nhập tăng và nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, an ninh quốc phòng, trật tự xã hội và nâng cao dân trí ngày càng được nâng cao sẽ kéo theo mức chi tiêu cho sản phẩm và dịch vụ bưu chính viễn thông tăng theo và ngược lại. Ngoài ra, cơ hội phát triển và sự lớn mạnh của Công ty còn bị chi phối và chịu sự ảnh hưởng bởi định hướng phát triển của ngành.

2. Rủi ro về pháp luật

Là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực công nghệ viễn thông chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về pháp lệnh bưu chính viễn thông, luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản liên quan đến thị trường chứng khoán. Hơn thế nữa, việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO yêu cầu các doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện cam kết trong ngành bưu chính viễn thông. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này theo đó sẽ được Nhà nước sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện. Sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

(1) Tổng Cục Thống kê http:// www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2008

3. Rủi ro về kinh doanh

Một trong những sức ép lớn nhất đối với các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực viễn thông là quá trình phát triển nhanh chóng về công nghệ và dịch vụ trên thế giới và trong khu vực. Vòng đời sản phẩm công nghệ ngày càng ngắn, doanh nghiệp không có chiến lược tiếp cận linh hoạt sẽ đối mặt với nguy cơ tụt hậu về công nghệ kỹ thuật.

Hội nhập với thị trường thế giới và khu vực mở ra cho các doanh nghiệp viễn thông nhiều cơ hội lớn trong môi trường đầu tư đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều thách thức trong môi trường cạnh tranh. Ngoài áp lực cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm công nghệ giữa các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp viễn thông Việt Nam còn chịu sự cạnh tranh về giá cước trước xu hướng giảm thiểu sự chênh lệch giá cước giữa các nước ngày càng tăng. Việc giảm giá cước sẽ buộc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phải tìm mọi cách cắt giảm chi phí đầu vào. Do đó ảnh hưởng tới các lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp là lắp đặt BTS, tổng đài số; bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị viễn Thông như BTS, SDH, Tổng đài số. Ngoài ra, việc mở cửa thị trường thu hút đầu tư nước ngoài vào quá trình sản xuất nhằm mở rộng quy mô, nâng cao trình độ công nghệ cũng là một thách thức đặt ra cho Công ty trong việc đối mặt với sức ép cạnh tranh nội bộ ngành.

4. Rủi ro đặc thù trong ngành viễn thông

Viễn thông là một ngành công nghệ cao, do đó đòi hỏi lực lượng lao động trình độ cao, được đào tạo tốt và có tay nghề giỏi. Việc cập nhật kiến thức và phát triển nguồn lực đủ để đáp ứng nhu cầu hội nhập của ngành vẫn luôn là một thách thức. Các doanh nghiệp muốn thu hút nhân tài cần có chính sách tuyển dụng, đãi ngộ và đào tạo tốt. Tuy nhiên, nguồn cung nhân lực chất lượng cao trong ngành viễn thông Việt Nam có hạn và chi phí đào tạo cao dẫn đến rủi ro về vấn đề thiếu hụt nhân lực trong nghiên cứu và sản xuất của Công ty.

Là một ngành công nghệ cao, viễn thông Việt Nam đứng trước rủi ro về công nghệ tương đối lớn. Khoảng 30% ứng dụng của các sản phẩm công nghệ được ghi nhận là không thành công do ảnh hưởng của công nghệ tiên tiến hơn và cập nhật hơn của nước ngoài trên thị trường. Khi chu kỳ công nghệ càng ngắn thì giá trị hàng tồn kho càng sụt giảm nhanh chóng. Tuy nhiên, Công ty bố trí một kế hoạch sản xuất phù hợp để giảm tối đa lượng hàng tồn kho.

5. Rủi ro đặc thù của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Do đặc thù ngành viễn thông có tốc độ thay đổi công nghệ rất nhanh nên các sản phẩm do VITECO nghiên cứu chế tạo sẽ có tuổi đời thường rất ngắn chỉ từ 1 đến 3 năm. Do đó, Công ty phải liên tục đầu tư cho nghiên cứu để nâng cấp và tạo ra các sản phẩm mới. Ngoài ra, các sản phẩm do VITECO nghiên cứu chế tạo cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các sản phẩm nhập ngoại, đặc biệt là sản phẩm từ Trung Quốc với mẫu mã đa dạng và giá cả thấp.

Đối với các mảng dịch ủy thác xuất nhập khẩu thì hiện nay khách hàng chủ yếu là VNPT nên mảng dịch vụ này sẽ phụ thuộc rất lớn vào hoạt động đầu tư của VNPT. Trong các năm tới mảng dịch vụ này dự báo sẽ suy giảm do VNPT đã tập trung đầu tư rất lớn cho mạng lưới cố định và di động

trong giai đoạn 2006-2009 đặc biệt là mạng 3G trong năm 2009 – 2010 nên mục tiêu trong các năm tới sẽ tập trung vào khai thác các hệ thống đã đầu tư.

6. Rủi ro của dự án xây dựng nhà làm việc

Công ty cổ phần công nghệ viễn thông VITECO chủ trương xây dựng thêm trụ sở để giao dịch, điều hành và trực tiếp sản xuất để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh. Theo báo cáo dự án đầu tư, tổng mức đầu tư của dự án là 18 tỷ đồng, trong đó vốn vay Ngân hàng là 15 tỷ đồng và vốn tự có là 3 tỷ đồng. Thời gian trả nợ Ngân hàng kéo dài 81 tháng. Trong khoảng thời gian gần 7 năm này, những biến động của nền kinh tế kéo theo biến động của lãi suất Ngân hàng cũng như ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ gây khó khăn trong việc trả nợ Ngân hàng của doanh nghiệp.

Mặt khác, sự biến động mạnh của nền kinh tế trong thời gian qua dẫn tới giá vật liệu xây dựng tăng nhanh có thể ảnh hưởng tới tổng mức đầu tư của dự án xây dựng trụ sở làm việc của Công ty.

7. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá luôn là thách thức đối với các công ty phải nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất, nhất là khi khó khăn về nguồn cung ngoại tệ như năm 2008, 2009 cũng như sự biến động bất lợi của tỷ giá trong những tháng cuối năm 2010. Điều này ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty do nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất sản phẩm chiếm 6% đến 7% giá vốn bán hàng được nhập khẩu từ nước ngoài bằng ngoại tệ.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng như: thiên tai, dịch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ nền kinh tế.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO

Ông **Nguyễn Tuấn Hòa** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông **Phạm Văn Tuấn** Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Ông **Phạm Quốc Sỹ** Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Ông **Nguyễn Hữu Cư** Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Ông **Phùng Giang Nam** Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà **Nguyễn Thúy Lan** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Bà **Trần Thị Thúy** Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO
- SSI: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- Điều lệ: Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
- Sở giao dịch chứng khoán: SGDCK
- CNĐKKD: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- CMND: Chứng minh nhân dân
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- QLCL: Quản lý chất lượng
- KCS: Kiểm tra chất lượng sản phẩm
- KH & ĐT: Kế hoạch và Đầu tư
- TP: Thành phố
- VITECO VNPT.,JSC: Tên viết tắt Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông
- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp
- CP: Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên gọi Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

- Tên giao dịch đối ngoại: VITECO Vietnam Telecommunications Technology Joint stock Company
- Tên viết tắt: VITECO VNPT.,JSC
- Logo:
- Địa chỉ doanh nghiệp: Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: 04.3862 2723 Fax: 04.3636 0023
- Mã số thuế: 0100686181
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 0103011134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 07 tháng 07 năm 2010).
- Vốn điều lệ đăng ký: 15.612.440.000 đồng (Mười lăm tỷ sáu trăm mười hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng)

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

THỜI GIAN	VỐN ĐIỀU LỆ ĐĂNG KÝ (VNĐ)	VỐN THỰC GÓP (VNĐ)	GIÁ TRỊ TĂNG CỦA VỐN THỰC GÓP (VNĐ)	PHƯƠNG THỨC	GHI CHÚ
Đăng ký lần đầu ngày 06/03/2006	15.000.000.000	15.000.000.000		Cổ phần hóa DNNN	Mệnh giá 10.000đ/CP
Ngày 12/06/2009	15.612.440.000	15.612.440.000	612.440.000	Phát hành riêng lẻ (*)	Mệnh giá 10.000đ/CP

Nguồn: VITECO

Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/06/2009 thông qua phương án phát hành thêm 61.244 cổ phiếu (tương đương 612.440.000 đồng (tính theo mệnh giá) theo chương trình lựa chọn người lao động (gồm thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty, các trưởng, phó phòng, giám đốc, phó giám đốc các chi nhánh và CBCNV Công ty) như sau:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Kết quả phát hành:
  - Giá phát hành: 10.800 đồng/cổ phiếu.
  - Số người được phân phối: 59.

- Tổng số vốn thu được từ đợt phát hành là: 621.435.200 đồng, trong đó:
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 612.440.000 đồng
  - Thặng dư vốn cổ phần: 48.995.200 đồng

- Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 12/06/2009, vốn điều lệ đăng ký tăng từ 15.000.000.000 đồng lên 15.612.440.000 đồng.
- Đợt phát hành đã được xin phép UBCKNN và UBCKNN đã thông báo trên website của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO.
- Ngày 19/06/2007, Công ty trở thành công ty đại chúng, đã làm thủ tục đăng ký với UBCKNN và được UBCKNN công nhận đủ điều kiện là Công ty đại chúng.

Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị điện lạnh;
- Lắp ráp, xây lắp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Xây lắp các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, tin học, các động cơ nổ và thiết bị lạnh;
- Tư vấn, thiết kế công trình thông tin liên lạc;
- Tư vấn, thiết kế vô tuyến điện và thông tin đối với công trình thông tin liên lạc bưu chính viễn thông;
- Tư vấn thiết kế thông tin liên lạc và vô tuyến điện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học, điện lạnh;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ thông minh và các sản phẩm có ứng dụng thẻ;
- Đào tạo và dạy nghề trong lĩnh vực viễn thông, tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Cho thuê các loại máy móc, thiết bị Công ty kinh doanh;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Buôn bán thiết bị viễn thông-tin học, hàng điện tử, điện lạnh, dân dụng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Giám sát thi công xây dựng: lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng thông tin, bưu chính viễn thông;

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản).

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Thiết bị Điện thoại (VITECO) được thành lập năm 1991 theo Quyết định số 640/QĐ/TCCB ngày 15/5/1991 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Ngay từ ngày đầu tiên mới thành lập, với 7 thành viên ban đầu là những cán bộ kỹ thuật trong ngành cùng với một số kỹ sư tốt nghiệp loại ưu của trường Đại học Bách khoa và Đại học Tổng hợp, VITECO đã triển khai đo thử và lắp đặt các trạm tổng đài số TDX1B (Goldstar – Hàn Quốc) dung lượng lớn cho các Bưu điện trong cả nước. Bên cạnh đó, các cán bộ VITECO còn đảm nhận việc tiếp nhận lắp đặt các tổng đài số của các hãng Alcatel, NEC, Shanghai Bell; thiết kế cấu hình kỹ thuật; đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương; theo dõi và thực hiện các thủ tục thanh toán các khoản nợ dài hạn đối với các dự án của Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam.

Hoạt động nỗ lực của Công ty VITECO trong giai đoạn này đóng một vai trò rất tích cực trong việc hoàn thành kế hoạch tăng tốc giai đoạn I (1993-1995), đạt mục tiêu 1 máy điện thoại/100 dân vào năm 1995. Đây là một mốc son đáng ghi nhớ trong lịch sử phát triển ngành Bưu điện Việt Nam.

Năm 1996, Công ty Thiết bị Điện thoại (VITECO) được chuyển sang hạch toán độc lập, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo Quyết định số 432/TCCB-LĐ ngày 09/09/1996 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Bưu điện.

Giai đoạn 1996-2000 là giai đoạn tăng tốc tiếp theo của ngành nhằm thực hiện thành công số hoá tổng đài tới 100% số huyện, tăng cường và nâng cao chất lượng, hàm lượng công nghệ tổng đài tự sản xuất, tăng cường công tác bảo dưỡng bảo trì thiết bị trên mạng để nâng cao chất lượng mạng lưới, dịch vụ.

Năm 2000, một bộ phận của VITECO tại thành phố Hồ Chí Minh là Trung tâm Nghiên cứu sản xuất và bảo dưỡng thiết bị thông tin 1 (VTC1) tách ra và thành lập Công ty cổ phần Viễn thông VTC. Đây là một thách thức không nhỏ đối với VITECO vì Công ty phải chuyển giao hầu như toàn bộ thị trường từ Quảng Trị vào phía Nam với VTC. Bên cạnh đó, Công ty phải đối mặt với sự phát triển nhanh chóng của thị trường viễn thông trong nước và sự cạnh tranh gay gắt của nhiều liên doanh sản xuất tổng đài kỹ thuật số thế hệ mới của nhiều hãng viễn thông lớn nước ngoài. Tuy nhiên với sự nỗ lực của cán bộ CNV toàn Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian 2000-2004 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Doanh thu tăng trưởng đều qua các năm, năm 2002 tăng 7% so với năm 2001, năm 2003 tăng 2% so với năm 2002, đưa doanh thu năm 2003 đạt gần 34,2 tỷ đồng và năm 2004 đạt khoảng 38,4 tỷ đồng.

.Ngày 06/06/2002, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam ra Quyết định số 258/QĐ-TCCB/HĐQT về việc chuyển công ty Thiết bị điện thoại thành Công ty cổ phần. Đây là bước ngoặt đánh dấu một mốc chuyển đổi quan trọng trong quá trình hoạt động của Công ty, tạo thế chủ động cho Công ty trên con đường hội nhập và phát triển.

Ngày 25/11/2004, Bộ trưởng Bộ Bưu chính viễn thông ra Quyết định số 56/2004/QĐ-BBCVT về việc chuyển đổi Công ty thiết bị điện thoại thành Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO. Ngày 15/05/2006, Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO chính thức ra mắt nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập công ty tiền thân của mình.

Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần hoá năm 2006, những khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực của Ban Lãnh đạo, các cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được một kết quả tăng trưởng tương đối lớn về doanh số năm 2008 tăng 30% so với năm 2007. Trong năm 2008, Công ty VITECO vẫn giữ vững các thị trường truyền thống về lắp đặt thiết bị mạng cố định (tổng đài, MSAN, DSLAM ...) và có uy tín tốt với các viễn thông tỉnh. Đặc biệt, Công ty đã phát triển dịch vụ lắp đặt thiết bị SDH và trở thành đối tác chính của ALCATEL trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cho thiết bị SDH. VITECO triển khai các hợp đồng lắp đặt BTS cho đối tác Motorola và phát triển việc lắp đặt thiết bị BTS cho đối tác mới là Ericsson. Doanh thu từ lĩnh vực lắp đặt thiết bị vượt kế hoạch và chiếm tỷ trọng cao. Công ty cũng duy trì các thị trường bảo dưỡng truyền thống về tổng đài NEAX, TDX-1B, Payphone, DTS. Tuy nhiên, do các thiết bị trên dần bị thay thế ra khỏi mạng nên mảng doanh thu từ hoạt động kinh doanh này có phần bị suy giảm. Công ty tập trung phát triển thị trường bảo dưỡng ra một số dòng tổng đài khác như E10, EWSD tại cả miền Bắc và miền Nam. Bên cạnh đó, VITECO vẫn duy trì và củng cố các thị trường truyền thống như Quảng Ngãi, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Nam Định. Các thị trường mới trong lĩnh vực tư vấn thiết kế như Hải Phòng, Nghệ An cũng được chú trọng phát triển nhưng kết quả còn thấp. Do vậy, Công ty đẩy mạnh việc tham gia thực hiện các công trình xây lắp mạng ngoại vi và bước đầu được đánh giá cao về uy tín và chất lượng tại Nghệ An và Quảng Ngãi. Công tác xuất nhập khẩu của Công ty đã góp phần đẩy mạnh thị trường truyền thống tại Vinaphone. Công ty củng cố và xây dựng uy tín của mình với Lãnh đạo và các Ban của Tập đoàn bằng việc tham gia vào các dự án tập trung của Tập đoàn như dự án Gphone và MSAN. Uy tín của Công ty đối với viễn thông các tỉnh được nâng cao qua việc hỗ trợ tích cực cho các lĩnh vực dịch vụ khác như lắp đặt, cung cấp thiết bị. Trong năm 2008, Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc tiêu thụ các sản phẩm do chính Công ty nghiên cứu chế tạo và đã đạt được kết quả tốt. Sản phẩm VOM có số lượng tiêu thụ xấp xỉ 900 đầu đạt kế hoạch doanh thu. Cũng trong năm 2008, Công ty tích cực nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới phù hợp với mạng viễn thông Việt Nam cũng như phù hợp với chủ trương của Tập đoàn như thiết bị nhân sợi quang VFX2, thiết bị chuyển đổi quang điện VMC và thiết bị cảnh báo cáp có đo khoảng cách VCMA-8.

Năm 2009 là một năm khó khăn đối với Công ty. Trước tình hình đó, Ban Lãnh đạo Công ty tập trung phát triển các hoạt động dịch vụ kỹ thuật của Chi nhánh Trung tâm Viễn Thông, Chi nhánh Xí Nghiệp TVTK và Chi nhánh phía Nam. Đầu tư nâng cao năng lực về trang thiết bị, đào tạo nhân lực cho lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật nhất là trong lĩnh vực di động. Công ty phấn đấu duy trì mức tăng trưởng ổn định của các đơn vị này. Trong đó, việc ổn định hoạt động của Chi nhánh Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nhằm mục đích tập trung vào mảng sản phẩm dịch vụ sửa chữa thiết bị di động. Đây là mảng dịch vụ có triển vọng phát triển tốt trong những năm tới.

Trong năm 2009 là năm có thị trường viễn thông có sự phát triển bùng nổ với việc đồng lọat khai trương dịch vụ 3G của 2 nhà cung cấp Vinaphone và Mobiphone. Nắm bắt được cơ hội này Công ty VITECO đã tích cực phát triển các dịch vụ như ủy thác XNK, xây lắp thiết bị BTS, truyền dẫn phục vụ mạng 3G. Kết quả là năm 2009 đã đạt được doanh thu 88,7 tỷ đồng (tăng trên 50% so với năm 2008)

Mặt khác, Công ty cũng đẩy mạnh việc đầu tư cho việc nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới như thiết bị quản lý nhà trạm không người trực thông qua việc bám sát nhu cầu của ngành. VITECO phấn đấu là đơn vị đầu ngành về công nghệ tạo đà phát triển cho các năm tiếp theo.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

- Trụ sở chính của Công ty

  Địa chỉ: Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

  Điện thoại: 04.3862 2723

- Các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc công ty

  Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO Trung tâm Viễn thông

  Địa chỉ: Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

  Điện thoại: 04.3636 6461

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO Trung tâm nghiên cứu sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin

  Địa chỉ: Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

  Điện thoại: 04.3862 2813

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO Xí nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây lắp mạng ngoại vi

  Địa chỉ: Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

  Điện thoại: 04.3636 6468

- Chi nhánh Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

  Địa chỉ: Số 35, ngõ 61 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

  Điện thoại: 04.3568 1537

- Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO

  Địa chỉ: 185 Nguyễn Văn Trỗi, phường 10, quận Phú Nhuận, TP HCM

  Điện thoại: 08.3845 3380

4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 07/06/2008; Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ I được Đại hội đồng Cổ đông họp ngày 06/06/2009 thông qua; Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ II được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 họp ngày 29/05/2010 thông qua.

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

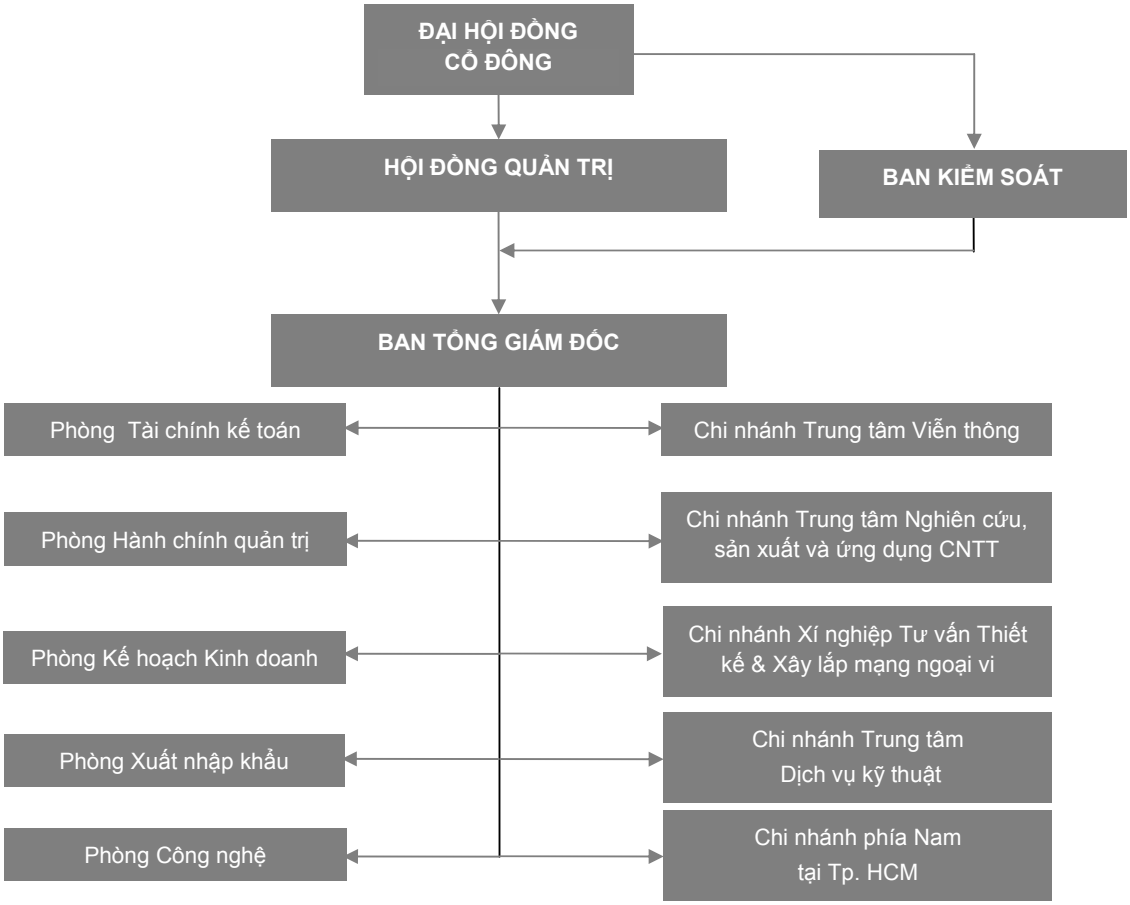

Nguồn: VITECO

Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Hòa	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Quốc Sỹ	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Cư	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Phan Thanh Sơn	Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Cư	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Bà Nguyễn Thúy Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Tư	Uỷ viên
Bà Nguyễn Thúy Bình	Uỷ viên

Kế toán trưởng

Ông Phùng Giang Nam	Kế toán trưởng

Các phòng nghiệp vụ

- **Phòng Tài chính kế toán**: là một bộ phận độc lập thuộc khối tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Công ty; quản lý và hỗ trợ các phòng ban trong Công ty về các vấn đề liên quan đến công tác kế toán, thống kê nhằm đảm bảo công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty.

  Chức năng chính:

  - Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê trong toàn Công ty và quản lý toàn bộ tài sản Công ty;
  - Sử dụng quyền và nguồn lực do Lãnh đạo Công ty giao để hoàn thành nhiệm vụ:
    - Thương hiệu, uy tín của Công ty;

- Thông tin, số liệu, chứng từ, sổ sách của Công ty;
- Nguồn lực tài sản, cơ sở vật chất của Công ty.

Nhiệm vụ chính:

- Công tác Kế toán:
  - Công tác lập Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị kinh doanh: Lập Báo cáo tài chính theo đúng quy định của Pháp luật và các Báo cáo kế toán quản trị theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty;
- Công tác Hạch toán kế toán;
- Công tác quản lý tài sản:
  - Công tác Thu - Chi và mua bán tài sản;
  - Công tác xây dựng, ban hành các quy chế, quy định và các quy trình có liên quan đến công tác kế toán, quản lý tài sản.
- Công tác Thống kê.

❖ **Phòng Kế hoạch Kinh doanh**: là một bộ phận thuộc khối tham mưu giúp việc Lãnh đạo Công ty, quản lý và hỗ trợ các bộ phận của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chiến lược phát triển của Công ty.

Chức năng chính:

- Tổ chức xây dựng, tổng hợp, phân tích và đánh giá về công tác kế hoạch của Công ty;
- Sử dụng các quyền và nguồn lực sau do Lãnh đạo Công ty cho phép để hoàn thành nhiệm vụ:
  - Thẩm quyền của Lãnh đạo Công ty;
  - Thông tin, báo cáo của Công ty;
  - Nguồn lực tài sản, cơ sở vật chất của Công ty;
  - Thương hiệu, uy tín của Công ty

Nhiệm vụ chính:

- Công tác kế hoạch;
- Công tác cân đối nguồn lực;
- Công tác giao dịch kinh doanh;
- Công tác PR.

❖ **Phòng Công nghệ**: là một bộ phận thuộc khối tham mưu giúp việc Lãnh đạo Công ty, quản lý và hỗ trợ các bộ phận của Công ty trong các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm giám sát chất lượng các dịch vụ, sản phẩm của Công ty; chịu sự điều hành trực tiếp của Lãnh đạo Công ty.

Chức năng chính:

- Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin; giám sát chất lượng sản phẩm - dịch vụ; hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật; nghiên cứu, đề xuất các sản phẩm, công nghệ mới trong Công ty;
- Sử dụng các quyền và nguồn lực sau do Lãnh đạo Công ty cho phép để hoàn thành nhiệm vụ:
  - Thẩm quyền của Lãnh đạo Công ty;
  - Thông tin về công nghệ, chất lượng sản phẩm - dịch vụ của Công ty;
  - Nguồn lực lao động, tài sản, cơ sở vật chất của Công ty.

Nhiệm vụ chính:

- Công tác nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Công tác hỗ trợ và giám sát, thẩm định chất lượng các sản phẩm, dịch vụ trong Công ty;
- Công tác nghiên cứu và đề xuất các sản phẩm, công nghệ mới.

Phòng công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu các sản phẩm mới, hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị trong Công ty. Phòng gồm các tiến sỹ, kỹ sư có trình độ tốt nghiệp các trường đại học trong nước và nước ngoài, có thể tham gia các dự án lớn với độ phức tạp cao. Hiện tại, phòng công nghệ chủ yếu tập trung nghiên cứu và chế tạo các thiết bị sử dụng trong lĩnh vực truyền dẫn và các thiết bị dùng trong công nghiệp. Định hướng của phòng về công nghệ trong tương lai là phát triển các ứng dụng đòi hỏi sự tính toán phức tạp với tốc độ cao như xử lý ảnh, các ứng dụng về xử lý số tín hiệu (DSP) và phát triển các phần mềm điều khiển chuyên dụng khác. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm đến phát triển công nghệ coi đó là then chốt của Công ty trong tương lai. Hiện tại, VITECO là một số ít các đơn vị trong ngành Viễn Thông vẫn còn duy trì việc nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm điện tử viễn thông hoàn chỉnh từ khâu thiết kế đến sản xuất.

❖ **Phòng Xuất nhập khẩu**: là một bộ phận thuộc khối kinh doanh; chịu sự điều hành trực tiếp của Lãnh đạo Công ty, vừa có vai trò trực tiếp tham gia kinh doanh tạo ra doanh thu cho Công ty, vừa thực hiện các hoạt động tham mưu giúp việc, quản lý và hỗ trợ công tác sản xuất kinh doanh trong Công ty.

Chức năng chính:

- Tổ chức tìm kiếm thông tin, quản lý và thực hiện các hợp đồng kinh tế, các dự án kinh doanh Xuất nhập khẩu và xuất nhập khẩu của Công ty;
- Sử dụng các quyền và nguồn lực sau do Lãnh đạo Công ty cho phép để hoàn thành nhiệm vụ:
  - Thẩm quyền của Lãnh đạo Công ty;
  - Nguồn lực lao động, tài sản, cơ sở vật chất của Công ty;
  - Thương hiệu và uy tín của Công ty.

Nhiệm vụ chính:

- Đối với công tác xuất nhập khẩu ủy thác:
  - Phân tích, đánh giá thị trường để tìm kiếm khách hàng cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác;
  - Xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm và trình Tổng Giám đốc;
  - Xây dựng phương án thực hiện các dự án xuất nhập khẩu ủy thác;
  - Đàm phán với các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác;
  - Tổ chức thực hiện quá trình xuất nhập khẩu ủy thác;
  - Theo dõi tình hình thanh toán, tình hình thuế đối với các hợp đồng nhập khẩu uỷ thác;
  - Tổ chức vận chuyển, bốc dỡ, thuê kho, mua bảo hiểm cho các hàng hoá;
  - Bàn giao hàng hoá cho chủ đầu tư;
  - Hoàn thiện các quy trình, công việc sau cung cấp dịch vụ;
  - Thực công tác chăm sóc khách hàng sau khi cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác.
- Đối với công tác xuất nhập khẩu:
  - Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, tìm kiếm khách hàng, nhà cung cấp các hàng hoá phù hợp với yêu cầu của Công ty;
  - Lập các dự án xuất nhập khẩu trình lãnh đạo Công ty;
  - Soạn thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hoá, các hợp đồng hỗ trợ cho xuất nhập khẩu;
  - Tổ chức thực hiện xuất nhập khẩu, mua bán hàng hoá phục vụ kinh doanh của Công ty; bảo hành, đi sửa chữa tại nước ngoài và bàn giao lại cho các đơn vị trong Công ty.

❖ **Phòng Hành chính – Quản trị**: là bộ phận thuộc khối tham mưu giúp việc Lãnh đạo Công ty và quản lý, hỗ trợ các bộ phận trong Công ty về các hoạt động tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động và công tác hành chính; chịu sự điều hành trực tiếp của Lãnh đạo Công ty.

Chức năng chính:

- Tổ chức xây dựng, tổng hợp, phân tích, đánh giá phần hành công việc tổ chức hành chính của Công ty;
- Sử dụng quyền lực do Lãnh đạo Công ty giao để thực hiện nhiệm vụ;
- Sử dụng các nguồn lực về lao động, tài sản, cơ sở vật chất của Công ty để dùng cho công việc;
- Sử dụng các điều kiện khác do Lãnh đạo Công ty giao.

Nhiệm vụ chính:

- Công tác tổ chức, nhân sự;
- Công tác lao động tiền lương và áp dụng chính sách, chế độ đối với người lao động;

- Công tác hành chính quản trị;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên yêu cầu và đề nghị hợp lý của các bộ phận liên quan.

Các Chi nhánh

Chi nhánh của Công ty VITECO là đơn vị sử dụng hiệu quả các nguồn lực được Công ty giao để thực hiện kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ viễn thông, có quan hệ mật thiết với nhau về cung cấp các dịch vụ công nghệ viễn thông, lợi ích kinh kế, tài chính, phát triển các dịch vụ công nghệ viễn thông để thực hiện những mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chức năng chính:

- Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, các dự án kinh doanh do Công ty điều tiết và Chi nhánh tự khai thác nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức thực hiện sản xuất, ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh theo định hướng của Công ty.
- Sử dụng các quyền và nguồn lực sau do Lãnh đạo Công ty cho phép để hoàn thành nhiệm vụ:
  - Nguồn lực lao động, tài sản, cơ sở vật chất của Công ty;
  - Thương hiệu và uy tín của Công ty.

Nhiệm vụ chính:

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ:
  - Nghiên cứu, phát triển, chế thử các sản phẩm mới theo định hướng của Công ty.
  - Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, phát triển dự án:
  - Lập dự án, tư vấn, thiết kế các công trình viễn thông;
  - Khảo sát, lập dự án khả thi đối với các dự án đầu tư của Công ty;
  - Nghiên cứu tối ưu hoá, khảo sát, lập dự án hoá mạng lưới;
  - Tư vấn và chuyển giao công nghệ điện tử, viễn thông, tin học.
- Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh; cung cấp dịch vụ về điện tử, viễn thông, tin học:
  - Sản xuất và ứng dụng công nghệ viễn thông, điện tử, tin học;
  - Sửa chữa các thiết bị viễn thông tương thích với mạng lưới viễn thông;
  - Lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông tin học;
  - Thực hiện các dịch vụ kinh doanh trong lĩnh vực điện tử - viễn thông:
    - Lắp đặt các thiết bị viễn thông, điện tử, tin học, điện lạnh, máy nổ
    - Bảo hành, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, điện lanh, máy nổ
    - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị viễn thông, điện lạnh, máy nổ

- Kinh doanh các thiết bị viễn thông, điện lạnh, máy nổ
- Sửa chữa các thiết bị viễn thông, điện lạnh, máy nổ

❖ Thực hiện các hoạt động xây lắp công trình:

- Thực hiện giám sát, nghiệm thu và xây lắp các công trình viễn thông do công ty điều tiết.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

Bảng 2: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần thời điểm 14/01/2011

TT	CỔ ĐÔNG NẮM TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ SỞ HỮU (ĐỒNG)	TỶ LỆ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	765.000	7.650.000.000	49,00

Nguồn: Số liệu sổ cổ đông ngày 14/1/2011 của VI TECO

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 07/07/2010

THỜI GIAN	TÊN	SỐ CỔ PHẦN	SỐ VỐN GÓP	TỶ LỆ
1	Vốn Nhà nước Người trực tiếp quản lý phần vốn góp: - Nguyễn Tuấn Hòa - Phạm Quốc Sỹ - Phạm Văn Tuấn	765.000	7.650.000.000	49
2	69 cổ đông khác	258.588	2.585.880.000	16,56
	Tổng	**1.023.588**	**10.235.880.000**	**65,56**

Nguồn: Số liệu sổ cổ đông ngày 14/1/2011 của VITECO

Công ty Cổ phần VITECO chính thức trở thành Công ty Cổ phần vào ngày 06/03/2006, nên theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, đến thời điểm hiện nay, các hạn chế đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

Bảng 4: Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 14/1/2011

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ
1	Cổ đông trong nước	1.561.244	15.612.440.000	100,00
	Tổ chức	*765.000*	*7.650.000.000*	*49,00*
	Cá nhân	*796.244*	*7.962.440.000*	*51,00*
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00
	Tổ chức	*0*	*0*	*0,00*
	Cá nhân	*0*	*0*	*0,00*
	Tổng	**1.561.244**	**15.612.440.000**	**100,00**

Nguồn: Số liệu sổ cổ đông ngày 24/09/2010 của VITECO

6. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết, những Công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

Công ty VITECO có hai nhóm sản phẩm chính là sản phẩm tự nghiên cứu sản xuất và sản phẩm thương mại. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp hai mảng dịch vụ là dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

7.1.1. Sản phẩm tự nghiên cứu và sản xuất

- Thiết bị cảnh báo đứt cáp đồng VCMA8

  VCMA8 là thiết bị duy nhất hiện nay cho phép cảnh báo chính xác vị trị đứt cáp mạng ngoại (sai số ≤ 2%), cảnh báo được hiển thị dưới dạng loa, còi báo động, đèn LED hiển thị và đặc biệt ngay lập tức gọi đến 1 số điện thoại được cài đặt trước. Do đó, hạn chế tối đa tình trạng cắt trộm cáp.

  Đây là thiết bị được Công ty VITECO sản xuất với công nghệ tiên tiến, có khả năng chống nhiễu cao, cảnh báo với độ chính xác cao. Thiết kế nhỏ gọn thuận lợi cho lắp đặt, bảo dưỡng.

- Thiết bị chuyển đổi quang điện VMC

  VMC là thiết bị chuyển đổi tín hiệu số từ điện (ethernet) sang quang (optical) và ngược lại, được sử dụng để kéo dài đường truyền Ethernet tốc độ cao (100Mbps). Thiết bị này còn được sử dụng để triển khai giải pháp FTTH cho Viễn Thông các tỉnh

- Thiết bị truyền dẫn quang PDH - VOM

  VOM là thiết bị ghép kênh E1 và truyền dẫn quang do Công ty VITECO sản xuất. Thiết bị được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo, đáp ứng nhu cầu về tách ghép kênh và truyền dẫn quang trong mạng vừa và nhỏ ở Việt Nam như mạng truyền dẫn di động, chuyển mạch cố định.

- Thiết bị đo suy hao tuyến quang cầm tay

  Bộ thiết bị đo suy hao tuyến truyền dẫn quang cầm tay do Công ty VITECO nghiên cứu sản xuất trên kỹ thuật tiên tiến, có kích thước nhỏ gọn. Chỉ thông qua thao tác với một phím bấm cho phép người dùng đo đạc chính xác độ suy hao của tuyến truyền dẫn quang hoặc xác định công suất phát trung bình của một nguồn phát tín hiệu. Với giá thành sản xuất rẻ, thiết bị thực sự hữu ích cho việc triển khai chủ trương quang hóa của tập đoàn VNPT

- Điện thoại cố định có chức năng nhắn tin VSMS01

VSMS 01 là thiết bị điện thoại cố định có chức năng nhắn tin SMS đến các số thuê bao của mạng VNPT. Thiết bị có thiết kế nhỏ gọn, màn hình LCD rộng với kích thước 80x50mm, có khả năng lưu trữ nhật ký cuộc gọi, tin nhắn.

- Các loại Thiết bị cảnh báo nhà trạm: Alamr Ver 4.0, AMC

Thiết bị cảnh báo cho các nhà Trạm của VITECO đã đạt được sự tín nhiệm cao của các nhà khai thác dịch vụ như Mobiphone, Vinaphone, Gtel và Viễn Thông các tỉnh. Đặc biệt trong năm 2009 VITECO đã cung cấp một số lượng lớn sản phẩm cho các mạng di động (trên 3300 bộ).

Trong năm 2009 VITECO đã tiến hành nghiên cứu cho ra đời thiết bị quản lý nhà trạm không người trực có khả năng quản lý và điều khiển tập trung số lượng lớn các nhà trên nền IP, (AMC)

Trong số các sản phẩm Công ty nghiên cứu sản xuất, sản phẩm đang là thế mạnh của Công ty bao gồm thiết bị truyền dẫn quang và thiết bị phục vụ nhà trạm không người trực AMC

7.1.2. Sản phẩm thương mại

- Vỏ trạm Viễn thông di động Shelter

Giải pháp vỏ trạm Viễn thông di động Shelter của Công ty VITECO được thiết kế phù hợp hướng tới những nơi có điều kiện không thuận lợi như miền núi, hải đảo, vùng ngập mặn. Vỏ trạm Viễn thông di động được thiết kế theo cấu trúc các module, theo đúng tiêu chuẩn của Công ty Vinaphone.

- Modem ADSL Cnet CM-U601

CM-U601 là thiết bị Modem ADS

L 2/2+ có thiết kế nhỏ gọn, có tính năng cao, tích hợp khả năng định tuyến (router), kết nối tốc độ cao 10/100M Ethernet.

- Ngoài ra Công ty VITECO còn làm đối tác cung cấp thiết bị của các hãng Viễn Thông lớn như Huawei, ZTE, Alcatel ...

7.1.3. Dịch vụ kỹ thuật

Công ty cung cấp các dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng và hỗ trợ kỹ thuật cho các sản phẩm trong ngành viễn thông.

- Lắp đặt

VITECO là một trong những đơn vị đứng đầu và được Tập đoàn VNPT trao tặng bằng khen về các dịch vụ xây lắp tổng đài, lắp đặt thiết bị viễn thông. Với đội ngũ cán bộ có năng lực và kinh nghiệm VITECO là đơn vị đi đầu trong các dịch vụ lắp đặt như:

  - Xây lắp tổng đài, nhà trạm, các thiết bị truyền dẫn quang SDH, xDSL cho hầu hết các Viễn Thông tỉnh

- Lắp đặt, hòa mạng các trạm BTS cho hơn 50 Viễn thông tỉnh thành và 02 mạng Vinaphone và Mobiphone
- Cung cấp, lắp đặt nguồn DC cho các tổng đài
- Lắp đặt, hòa mạng các thiết bị cho hệ thống IBS
- Lắp đặt, hòa mạng các thiết bị cho mạng 3G của Vinaphone.

❖ Hỗ trợ kỹ thuật

Công ty VITECO là một trong những đơn vị mũi nhọn của VNPT trong lĩnh vực bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị Viễn thông tin học, tổng đài. Các dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng bao gồm:

- Sửa chữa, bảo dưỡng tổng đài: NEC, SIEMEN, Alcatel, TDX1B
- Sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống truyền dẫn quang SDH của Alcatel, Huawei.
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị xDSL của Alcatel, Huawei.
- Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống nguồn DC.
- Sữa chữa, bảo dưỡng thiết bị Payphone, Gphone.
- Sửa chữa vật tư GSM, hệ thống thông tin vệ tinh
- Đảm bảo ứng cứu khắc phục sự cố 24/24 cho các Viễn thông tỉnh thành.

Các thiết bị viễn thông sau khi hết thời hạn bảo hành của các hãng cung cấp thì VITECO sẽ cung cấp các dịch vụ cho các đơn vị vận hành khai thác (viễn thông các tỉnh, mạng di động VINAPHONE), bảo dưỡng, bảo trì, ứng cứu xử lý sự cố để đảm bảo sự hoạt động của các thiết bị. Ngoài ra, Công ty VITECO còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho các hãng cung cấp thiết bị trong thời gian bảo hành.

Để thực hiện tốt mảng dịch vụ này, công ty xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu, có các nghiên cứu cơ bản về các công nghệ mới để nắm được công nghệ mới. Trong thời gian tới Công ty sẽ tập trung cho việc phát triển các dịch vụ mới cho mạng di động 2G và 3G như tối ưu hóa, bảo dưỡng ...

7.1.4. Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Khách hàng lớn sử dụng dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu của Công ty VITECO bao gồm các công ty lớn trong và ngoài nước như Vinaphone, VNPT, VTN (Công ty viễn thông liên tỉnh), Alcatel, Motorola, Ericson... Trong năm 2009, mảng dịch vụ này đã mang lại doanh thu khá lớn cho Công ty.

Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu phụ thuộc khá nhiều vào mức đầu tư của VNPT. Trong ba tháng cuối năm 2009, lợi nhuận của công ty tăng đột biến nhờ việc triển khai dịch vụ 3G. Hiện nay, VITECO trở thành công ty hàng đầu trong tập đoàn VNPT về lĩnh vực này.

7.2 Sản lượng dịch vụ qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên sản phẩm	2008		2009		2010	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I	**Sản phẩm NC & SX**	**8.878**	**15,2%**	**22.567**	**25,4%**	**11,886**	**8.44%**
1	Sản xuất thiết bị viễn thông	8.878	15,2%	22.567	25,4%	11,886	8.44%
II	**Sản phẩm dịch vụ thương mại**	**5.018**	**8,6%**	**29.251**	**32,9%**	**69,413**	**49.29%**
2	Thương mại	5.018	8,6%	29.251	32,9%	69,413	49.29%
III	**Dịch vụ kỹ thuật**	**40.267**	**68,8%**	**31.818**	**35,8%**	**53,724**	**38.15%**
3	Lắp đặt thiết bị viễn thông	30.237	51,7%	27.101	30,5%	44,414	31.54%
4	Bảo dưỡng thiết bị viễn thông	3.837	6,6%	3.108	3,5%	7,019	4.98%
5	Phủ sóng toà nhà	1.151	2,0%	59	0,1%	1,941	1.38%
6	DV tư vấn Thiết kế	2.329	4,0%	1.282	1,4%	150	0.11%
7	Thuê thiết bị	2.713	4,6%	268	0,3%	200	0.14%
IV	**Dịch vụ UTXNK**	**4.344**	**7,4%**	**5.161**	**5,8%**	**5,799**	**4.12%**
8	Xuất nhập khẩu uỷ thác	4.344	7,4%	5.161	5,8%	5.799	4.12%
	Tổng	**58.507**	**100,0%**	**88.797**	**100,0%**	**140.822**	**100,0%**

Nguồn: VITECO

Doanh thu sản phẩm tự nghiên cứu và sản xuất năm 2009 tăng 154,2% so với năm 2008 do nhu cầu của thị trường năm 2009 tăng và khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng. Sang năm 2010 Doanh thu từ mảng sản phẩm này sụt giảm về tỷ lệ cũng như giá trị so với năm 2009 là do năm 2010 VNPT giảm đầu tư cho mạng lưới và một số sản phẩm mới của VITECO mới đang trong quá trình giới thiệu tiếp thị cho khách hàng.

Doanh thu dịch vụ kỹ thuật năm 2009 giảm 21% so với 2008 và tăng mạnh về giá trị trong năm 2010 do 2 lý do:

- Đối với mảng dịch vụ kỹ thuật truyền thống (cho mạng cố định) bị suy giảm do chủ trương tập đoàn đầu tư mạng không dây, ngừng đầu tư cho mạng cố định nên dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng và tư vấn thiết kế cho mảng này cũng bị suy giảm. Ngoài ra, việc đổi mới công nghệ, đưa các thiết bị cũ ra khỏi mạng lưới cũng giảm đáng kể doanh thu của Công ty ứng với dịch vụ Bảo dưỡng, sửa chữa.
- Do quá trình làm thủ tục nghiệm thu kỹ thuật với các nhà khai thác chậm nên doanh thu một số công trình sẽ được chuyển sang 2010.

Đối với mảng thương mại, sự cạnh tranh với các Công ty tư nhân bên ngoài là tương đối lớn. Năm 2009, nhờ chính sách thúc đẩy mảng thương mại, doanh thu từ mảng này đã tăng lên đáng kể và chiếm 33% tổng doanh thu của Công ty. Trong năm 2010 Công ty cũng tiếp tục đẩy mạnh mảng này nên doanh thu tiếp tục tăng và chiếm tỷ trọng 49% tổng doanh thu. Một trong những ưu

thế để thúc đẩy mảng thương mại là Công ty có ưu thế về nắm bắt các chủ trương, định hướng phát triển của Tập đoàn (Ví dụ năm 2009, Tập đoàn đầu tư Gphone nên DN có kế hoạch đẩy mạnh việc mua bán các thiết bị đầu cuối).

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên sản phẩm	2008		2009		2010	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I	**Sản phẩm NC & SX**	**1.420**	**10,4%**	**3.385**	**25,6%**	**2.360**	**13,94%**
1	Sản xuất thiết bị viễn thông	1.420	10,4%	3.385	25,6%	2,360	13.94%
II	**Sản phẩm dịch vụ thương mại**	**97**	**0,7%**	**274**	**2,1%**	**732**	**4.32%**
2	Thương mại	97	0,7%	274	2,1%	732	4.32%
III	**Dịch vụ kỹ thuật**	**10.769**	**79,0%**	**7.973**	**60,3%**	**11,159**	**65.92%**
3	Lắp đặt thiết bị viễn thông	8.164	59,9%	6.775	51,2%	7,936	46.87%
4	Bảo dưỡng thiết bị viễn thông	1.036	7,6%	808	6,1%	2,310	13.64%
5	Phủ sóng toà nhà	345	2,5%	15	0,1%	678	4.01%
6	DV tư vấn Thiết kế	559	4,1%	321	2,4%	134	0.79%
7	Thuê thiết bị	665	4,9%	54	0,4%	102	0.60%
IV	**Dịch vụ UTXNK**	**1.347**	**9,9%**	**1.600**	**12,1%**	**2,678**	**15.82%**
8	Xuất nhập khẩu uỷ thác	1.347	9,9%	1.600	12,1%	2,678	15.82%
	Tổng	**13.633**	**100,0%**	**13.231**	**100,0%**	**16.929**	**100,0%**

Nguồn: VITECO

7.3 Quy trình sản xuất các sản phẩm

Hình 2: Quy trình sản xuất sản phẩm

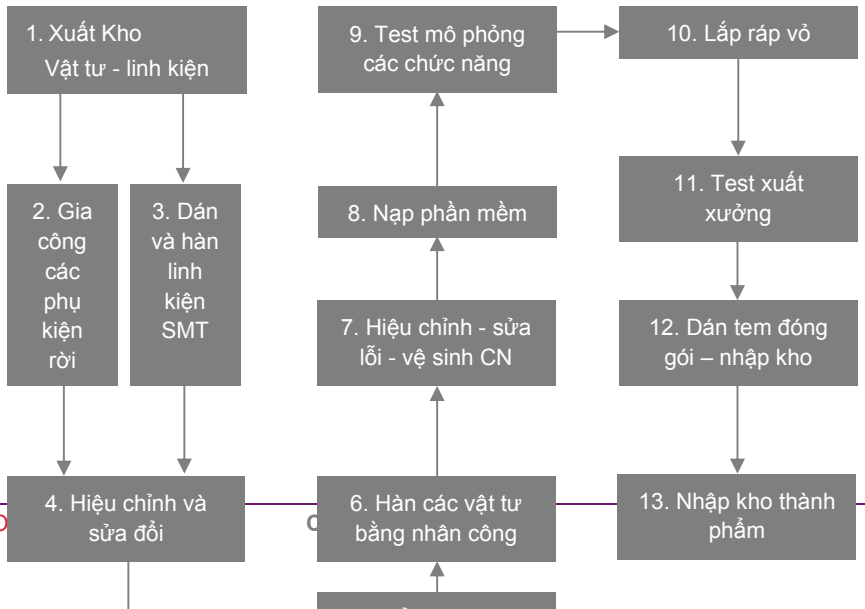

Nguồn: VITECO

Hình 3: Quy trình nghiên cứu sản phẩm

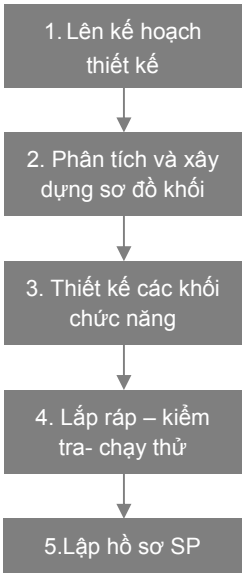

Nguồn: VITECO

7.4 Nguyên vật liệu

Bảng 7: Danh sách một số các nhà cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty

TT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	IC, tụ, điện trở, Chip	Digi-Key Corporation	701 Brooks Avenue South, Thief River Falls, USA
2	Cổng quang	Shenzhen Hi-Optel Technology Co., Ltd	Hi-Optel Building, BLDG 2, Gaofa Technology Park, Longjing, Nanshan District, Shenzhen, China
3	IC, PIC	Tecnomic Components Pte Ltd	8 Boon Lay Way, #08-10 8 @TradeHub 21, Singapore 609964
4	DC – DC convertor	SHENZHEN SUPLET CO., LTD.	2-4,6/F, NO.5 Bldg., Honghualing Industry 2nd Area, Xili Town, Nanshan, Shenzhen, Guangdong, China
5	IP Camera	Shenzhen Haisheng Technology Co., Ltd	1818,Nanguang Jiejia Building,Tianmian,Shennan Middle Road, Shenzhen, China

Nguồn: VITECO

Nguyên vật liệu chính chủ yếu là của các hãng Trung Quốc, Singapore, Hồng Kông và Mỹ.

Bảng 8: Danh sách một số các nhà cung cấp nguyên liệu phụ cho Công ty

TT	Nguyên vật liệu	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Mua sắm vỏ trạm (shelter) viễn thông	DN Tư nhân sản xuất và Kinh doanh Thương mại Thành Phong	Số 5B2 Trại Gà, Cổ nhuế, Hà Nội
2	Mua sắm vỏ trạm (shelter) viễn thông	Công ty CP khuôn Cơ khí và Xây Dựng	Hoàng Văn Thụ, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
3	Bộ Gá Ăng ten	Công ty CP Xây Dựng TM&DV Chánh Tín	135 Thế Lữ, Quận Sơn Trà, Đà Năng
4	Bộ Gá Ăng ten	Cơ sở Viết Thắng	Xuân Phương, Từ Liêm, Hà Nội
5	Accu	Accu Kornam	Lê Trọng Tân, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội

Nguồn: VITECO

Nguyên vật liệu phụ là vỏ trạm (shelter) viễn thông và bộ gá ăng ten, các sản phẩm cơ khí khác được cung cấp bởi các doanh nghiệp sản xuất tư nhân trong nước.

7.4.1 Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn cung cấp vật liệu chính để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là các đối tác nước ngoài với thâm niên và uy tín nên rất ổn định. Các nguyên vật liệu trong nước là nguyên vật liệu phụ nên việc tìm các đối tác cung cấp tương đối dễ dàng. Nguyên vật liệu của Công ty khá phổ biến trên thị trường nên Công ty linh hoạt trong việc lựa chọn nhà cung cấp.

7.4.2 Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Bảng 9: Giá một số nguyên vật liệu các năm (2007 –2010)

TT	Tên nguyên vật liệu	2007	2008		2009		2010	
		Giá mua (VNĐ/bộ)	Giá mua (VNĐ/bộ)	% tăng (giảm) so với 2007	Giá mua (VNĐ/bộ)	% tăng (giảm) so với 2008	Giá mua (VNĐ/bộ)	% tăng (giảm) so với 2009
1	IC	26.200	27.300	4,20	28.000	2,56	30,000	7.14%
2	Tụ, điện trở	520	530	1,92	550	3,77	550	0.00%
3	IP Camera	1.546.000	1.540.000	(0,39)	1.552.000	0,78	1,620,000	4.38%
4	DC/DC Convertor	128.400	129.300	0,70	130.200	0,70	140,000	7.53%
5	Cổng quang	238.200	239.600	0,59	242.000	1,00	245,000	1.24%

Nguồn: VITECO

Nguyên vật liệu phục vụ việc sản xuất của Công ty chiếm 30% giá vốn hàng bán tuy nhiên các loại nguyên vật liệu chính của Công ty là các linh kiện điện tử thường có xu hướng giảm hoặc tăng giá rất ít qua các năm (khoảng dưới 3%) nên không ảnh hưởng lớn lên doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Đối với nguyên vật liệu phụ phục vụ các hợp đồng lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật thì chiếm tỷ trọng từ 10% - 70% (tùy từng hợp đồng), giá trị hợp đồng có sự thay đổi giá rất lớn (30% - 100%) trong các năm 2007, 2008, 2009, 2010. Việc tăng giá của các vật liệu phụ này ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty trong mảng dịch vụ kỹ thuật.

Để hạn chế sự biến động của giá nguyên vật liệu đến chi phí sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Đối với các Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong năm 2008, 2009 và 2010 Công ty chỉ tập trung ký kết các HĐ cung cấp về nhân công thực hiện dịch vụ kỹ thuật (các hợp đồng có tỷ trọng nguyên vật liệu phụ rất thấp)
- Đối với mảng thương mại và dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu: phụ thuộc nhiều vào tỷ giá, đặc biệt là ủy thác xuất nhập khẩu. Trường hợp có biến động lớn về tỷ giá, DN giãn tiến độ việc thực hiện HĐ ủy thác để hạn chế biến động về tỷ giá.

7.5 Chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 10: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	2008		2009		2010	
	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Giá vốn hàng bán	44.843	76,6	75.567	85,1	123.889	88
Chi phí tài chính	1.638	2,8	3.108	3,5	2.734	1,9
Chi phí bán hàng	126	0,2	409	0,5	252	0,2
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.218	17,5	7.896	8,9	12.306	8,7
Tổng cộng	**56.826**	**97,1**	**86.980**	**98,0**	**46.542**	**98,8**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 của VITECO

Chi phí giá vốn của năm 2009 tăng so với năm 2008 chủ yếu do doanh thu từ hoạt động thương mại tăng dẫn đến chi phí giá vốn tăng tương ứng. Hoạt động thương mại trong năm 2009 chiếm tỷ trọng lớn gần 33% trên tổng doanh số. Ngoài ra, chi phí nhân công từ hoạt động tự nghiên cứu và sản xuất sản phẩm năm 2009 cũng tăng so với năm 2008 (bao gồm tăng số lượng nhân sự và lương bình quân đầu người - tăng khoảng 40% so với 2008).

Chi phí bán hàng năm 2009 tăng hơn ba lần so với năm 2008. Chi phí bán hàng chủ yếu là các khoản chi phí trích trước bảo hành sản phẩm do Công ty sản xuất. Năm 2009, doanh thu từ hoạt động sản xuất Công ty tăng mạnh so với 2008 dẫn đến chi phí bán hàng cho các sản phẩm từ hoạt động sản xuất năm 2009 tăng so với 2008.

Chi phí quản lý DN giảm do có nhiều biện pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh để giảm chi phí quản lý.

Doanh thu năm 2010 tăng đột biến so với năm 2009 vì Công ty chủ động tập trung nguồn lực thực hiện một số dự án lớn của tập đoàn có giá trị doanh thu rất lớn (chiếm đến 45% doanh thu) tuy nhiên vì số dự án của năm 2010 ít hơn năm 2009 nên chi phí bán hàng cũng giảm hơn so với năm 2009.

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu của 2010 tăng so với 2009 vì gia tăng của chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí triển khai dự án, (CPI năm 2010 là trên 10%) đã ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của công ty.

7.6 Trình độ công nghệ

Các thiết bị thi công phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, xây lắp của Công ty được nhập khẩu từ các nước như Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Mỹ với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo an toàn và phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam.

Bảng 11: Một số máy móc thiết bị của Công ty

Tên thiết bị	Số lượng	Năm SX	Số thiết bị	
			Thuộc sở hữu	Đi thuê
I. Sử dụng cho lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị				
Máy phân tích phổ	07	1997-2007	07	
Site Master	09	1904-2007	09	
Máy đo công suất vi ba	12	2000-2007	12	
Máy đo tần số	06	2000-2007	06	
Máy phát tín hiệu cao tần	01	2003	01	
Máy hiện sóng	04	2000-2003	04	
Máy đo điện trở đất	20	2002-2007	20	
Máy phân tích SDH/PDH	10	2002-2007	10	
Máy đo OTDR	07	2002-2007	07	
Máy đo công suất quang	05	2002-2005	05	
Máy hàn cáp quang	03	2002-2005	03	
Máy tính xách tay	80	2003-2007	80	
Máy đo đồng bộ	01	2002		01
Thiết bị kiểm tra accu, tải giả	03	2004-2005	03	
Đồng hồ đo dòng điện AC, DC	05	2003-2005	05	
Máy đo ắc quy CTA - 4000	06	2005-2007	06	
Máy đo điện trở suất (loại 04 cọc)	14	2005-2007	14	
Máy đo vùng phủ sóng	04	2006-2007	04	
Máy đo xDSL	02	2007	02	
Phương tiện vận chuyển (ô tô)	09	1997-2004	09	

Tên thiết bị	Số lượng	Năm SX	Số thiết bị	
			Thuộc sở hữu	Đi thuê
II. Xây lắp				
Máy cắt đường	05	2000-07	05	
Máy bơm nước - Hàn quốc	02	2002	02	
Máy khoan bê tông - Đức	03	2001	03	
Máy trộn bê tông - Ý	01	1998		01
Máy cắt sắt - Nhật	01	2002		01
Máy hàn sắt	02	1998		02
Đầm dùi – Nhật	01	2001	01	
Đầm cóc	08	2000-2007	08	
Xe tải 2,5T - Hàn Quốc	01	1998	01	
Xe 4-7 chỗ Toyota	07	2003-2008	07	
Xe 12-16 chỗ Toyota	06	2003-2005	06	
Máy nổ - Nhật	01	1998	01	
Máy bắn cáp	01	2002		01
Dụng cụ thi công	20	2005	20	

Nguồn: VITECO

7.7 Tình hình nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới

Công ty triển khai cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho các doanh nghiệp ngoài ngành viễn thông. Đây là những doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ liên quan đến điện tử như hệ thống giám sát quốc lộ cho Tổng cục cảnh sát, lắp đặt hệ thống cảnh báo cho các trạm thủy văn. Công ty VITECO có ưu thế trong lĩnh vực này nhờ khả năng tích hợp viễn Thông và điện tử truyền thống

Ngoài ra, công ty cũng tiếp tục triển khai mảng dịch vụ kỹ thuật phục vụ các khách hàng lớn như HT Mobile, Gtel, Vinaphone, Mobiphone.

Trước đây, Công ty chủ yếu tập trung vào nghiên cứu, sản xuất tổng đài. Hiện nay, công ty đã chuyển hướng sang các sản phẩm viễn thông, điện tử có yếu tố viễn thông cho các ngành nghề khác. VITECO số ít các đơn vị trong ngành sản xuất các sản phẩm điện tử gắn yếu tố viễn thông như máy đo cáp quang phục vụ trong ngành viễn thông, điện lực hoặc bán trực tiếp cho công ty viễn thông các tỉnh. Do đối tượng khách hàng mang tính chất đặc thù, các sản phẩm không mang tính đại trà nên Công ty chủ trương làm theo đơn đặt hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đưa ra kế hoạch sản xuất sản phẩm đại trà dựa trên khảo sát nhu cầu khách hàng.

Từ sau khi cổ phần hóa, Công ty tập trung vào công tác nghiên cứu sản phẩm mới tuy nhiên hiện vòng đời của sản phẩm viễn thông, điện tử chỉ kéo dài từ 2 đến 4 năm do đó Công ty cần phải đẩy mạnh việc đưa ra thị trường các sản phẩm mới. Hiên nay quy trình để ra một sản phẩm mới

đã được rút ngắn xuống còn 6 tháng đến 1 năm bao gồm các khâu khảo sát, nghiên cứu, thiết kế, chạy thử và đưa ra sản phẩm. Hiện nay, công ty có tất cả 2 xưởng sản xuất.

7.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Các sản phẩm do Công ty sản xuất ra đều phải qua nhiều công đoạn, được kiểm tra giám sát chất lượng. Nguồn cung cấp vật tư linh kiện là các Công ty có uy tín ở nước ngoài nên chất lượng đảm bảo. Trong quá trình sản xuất, Công ty cũng tiến hành kiểm tra chất lượng ở nhiều công đoạn và đo thử các chức năng trước khi nhập kho. Vì sản phẩm được Công ty nghiên cứu chế tạo hoàn chỉnh nên đều được đo kiểm trên mạng lưới trước khi sản xuất đại trà. Các sản phẩm trong suốt quá trình sử dụng cũng được Công ty cam kết bảo hành, bảo trì dài hạn, có thiết lập các đường dây nóng để hỗ trợ từ xa (thông thường các thiết bị do VITECO sản xuất được bảo hành từ 1-3 năm)

7.9 Hoạt động marketing

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao, Công ty luôn chú trọng đến công tác Marketing. Hoạt động Marketing của Công ty thực hiện chủ yếu thông qua:

- Bộ phận nghiên cứu Thị trường thuộc Phòng kinh doanh có nhiệm vụ: nghiên cứu thông tin về thị trường; xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn phát triển; tiếp nhận những thông tin phản hồi từ khách hàng;
- Bộ phận kỹ thuật: ngoài nhiệm vụ chính là triển khai các công việc dịch vụ kỹ thuật còn có nhiệm vụ tìm hiểu, tiếp nhận những thông tin phản hồi từ khách hàng;
- Phòng kế hoạch kinh doanh có nhiệm vụ: tiếp nhận, tổng hợp, nghiên cứu những thông tin phản hồi từ khách hàng, lập phương án đề xuất trình Lãnh đạo Công ty xử lý, phối hợp với Lãnh đạo Công ty trong việc tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường.

Công ty sử dụng phương thức bán hàng trực tiếp và thông qua các Chi nhánh trực thuộc Công ty, không qua đại lý. Phương thức này giúp cho Công ty có sự quản lý chặt chẽ, thống nhất về giá trên cả nước, vì không có trung gian nên tiết kiệm được rất nhiều chi phí.

Mục tiêu chất lượng

- Bảo dưỡng: Thiết bị hoạt động tốt trên mạng lưới
- Ứng cứu: Sẵn sàng xuất phát trong bất cứ tình huống nào kể cả mưa bão, ngày lễ, Tết; đảm bảo sẵn sàng phương tiện, thiết bị đầy đủ phục vụ ứng cứu
- Công tác xây lắp, lắp đặt, tư vấn thiết kế: Đảm bảo 100% các công trình đạt các chỉ tiêu kỹ thuật khi nghiệm thu
- Công tác nghiên cứu: Giữ vững vị trí độc tôn trong nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm 100% VITECO đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng
- Công tác thương mại: Hàng hoá cung cấp cho khách hàng đảm bảo mới 100%, đáp ứng đúng yêu cầu của khách hàng về số lượng, chất lượng, xuất xứ với chi phí thấp nhất.

7.9.1 Chính sách sản phẩm

Hiện VITECO là số ít các đơn vị còn cung cấp sản phẩm về điện tử viễn thông với quy trình sản xuất hoàn chỉnh. Một số đơn vị khác thường chọn phương án hợp tác, mua bán thành phẩm của các hãng nước ngoài về và chọn giải pháp phát triển phần mềm để cung cấp cho khách hàng. Tuy nhiên, cách làm này thì sẽ không chủ động hoàn toàn về giá thành và rất khó tiết giảm giá thành (phần lớn giá thành cấu thành từ sản phẩm nhập khẩu) nên tính cạnh tranh của những sản phẩm này thấp. Do vậy, VITECO chủ trương tập trung nghiên cứu các sản phẩm hoàn chỉnh từ khâu nghiên cứu, chế thử đến sản xuất, tiêu thụ và bảo hành.

7.9.2 Chính sách giá

VITECO chủ trương tập trung nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có giá thành phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Việc sản xuất và bán cho khách hàng các sản phẩm này phù hợp với nhu cầu và định hướng của Tập đoàn nên rất thuận tiện cho việc quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

7.9.3 Chính sách khuyếch trương sản phẩm

Các sản phẩm do Công ty sản xuất ra đã được phân phối trên thị trường đều được sự tín nhiệm cao của các đối tác. Đó chính là uy tín mà Công ty đã tạo dựng và gìn giữ trong nhiều năm. Các sản phẩm mới được nghiên cứu chế tạo đều phải trải qua nhiều công đoạn kiểm tra chất lượng, được cung cấp cho khách hàng dùng thử, chỉ đến khi có được sự hài lòng về các tính năng và sự ổn định khách hàng mới đặt mua chính thức.

7.9.4 Chính sách bán hàng

Công ty không áp dụng chiết khấu hoặc giảm giá trong chính sách bán hàng. Tuy nhiên, chính sách bán hàng của Công ty tập trung vào dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng. Công ty tăng thời gian bảo hành sản phẩm so với các đối thủ khác. Thông thường thời gian bảo hành sản phẩm của Công ty lên đến 3 năm.

7.10 Nhãn hiệu thương mại. đăng ký phát minh. sáng chế và bản quyền

Công ty đang sử dụng logo

và sử dụng nhãn hiệu “VITECO” cho tất cả các sản phẩm và dịch vụ của mình. Công ty đã đăng ký với cục sở hữu trí tuệ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu “VITECO” số 107418 ngày 15 tháng 08 năm 2008.

7.11 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Bảng 12: Một số hợp đồng đang thực hiện hoặc đã ký kết

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Tên hàng hóa	Số lượng	Giá trị (VNĐ/USD)	Thời gian thực hiện
I	**Sản phẩm nghiên cứu và sản xuất**					
1	Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu	24/9/2007	Cung cấp may điện thoại cố định	1.000	452.430.000 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
2	Công ty Viễn thông Liên Tỉnh	14/6/2007	Cung cấp may điện thoại cố định	5.000	2.295.000.000 VNĐ	06 tuần (đã hoàn thành)
3	Viễn thông Yên Bái	9/1/2009	Cung cấp, lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang	70	515.900.000 VNĐ	40 ngày (đã hoàn thành)
4	Viễn thông Yên Bái	26/10/2009	Cung cấp, lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang	152	1.120.240.000 VNĐ	60 ngày (đã hoàn thành)
5	Viễn thông Hà Nội	14/8/2009	Cung cấp thiết bị truyền dẫn quang	150	1.047.750.000 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
6	Công ty Viễn thông Liên tỉnh	18/1/2008	Cung cấp máy điện thoại cố định	1.070	30.013,50 USD	03 tuần (đã hoàn thành)
7	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	26/12/2008	Cung cấp lắp đặt hệ thông cảnh báo trạm BTS	3.000	11.939.400.000 VNĐ	06 tuần (đã hoàn thành)
8	Viễn thông Thái Nguyên	26/11/2009	Cung cấp thiết bị chuyển đổi luân phiên điều hòa	43	367.048.000 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
9	Viễn thông Thái Nguyên	26/11/2009	Cung cấp thiết bị chuyển đổi luân phiên điều hòa	33	281.688.000 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
10	Viễn thông Hà Nội	04/3/2010	Cung cấp thiết bị truyền dẫn quang	200	1.397.000.000 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
11	Viễn thông Hà Nội	29/3/2010	Cung cấp thiết bị truyền dẫn quang	520	3.632.200.000 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
II	**Sản phẩm dịch vụ thương mại**					
1	Viễn thông Quảng Ninh	24/8/2007	Cung cấp lắp đặt nhà trạm Viễn thông	06	452.100.000 VNĐ	06 tuần (đã hoàn thành)
2	Viễn thông Tuyên Quang	01/8/2007	Cung cấp lắp đặt nhà trạm Viễn thông	12	831.600.000 VNĐ	03 tuần (đã hoàn thành)
3	Viễn thông Tuyên Quang	10/9/2008	Cung cấp, lắp đặt vỏ trạm Viễn thông Shelter	23	2.380.856.500 VNĐ	08 tuần (đã hoàn thành)
4	Viễn thông Tuyên Quang	10/9/2008	Cung cấp, lắp đặt vỏ trạm Viễn thông Shelter	21	2.173.825.500 VNĐ	08 tuần (đã hoàn thành)
5	Công ty Dịch vụ Vật tư	20/10/2008	Cung cấp thiết bị ODF Outdoor	97	836.668.800 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
6	Viễn thông Quảng Ninh	21/1/2009	Cung cấp, lắp đặt vỏ trạm Viễn thông Shelter	2	239.370.000 VNĐ	04 tuần (đã hoàn thành)
7	Công ty Thông tin Di động VMS	11/6/2009	Cung cấp, lắp đặt máy đo Roaming	2	13.083.000.000 VNĐ	11 tuần (đã hoàn thành)
8	Công ty thông tin Di động Khu vực 3	3/2/2009	Cung cấp quang dự phòng		1.682.470.654 VNĐ	08 tuần (đã hoàn thành)

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Tên hàng hóa	Số lượng	Giá trị (VNĐ/USD)	Thời gian thực hiện
9	Công ty thông tin Di động Khu vực 3	29/8/2009	Nâng cấp vòng ring Đà Nẵng		4.056.110.712 VNĐ	30 ngày (đã hoàn thành)
III	**Dịch vụ kỹ thuật**					
1	Bưu điện tỉnh Phú Thọ	18/4/2007	Lắp đặt tổng đài E10 Phú Thọ thêm 87.000 số (09/HĐXL-VITECO)	1	2.168.000.000 VNĐ	86 ngày (đã hoàn thành)
2	Bưu điện tỉnh Nghệ An	2/2007	Lắp đặt tổng đài AXE Nghệ An thêm 183.000 số (27/HĐ-2007)		2.960.000.000 VNĐ	234 ngày (đã hoàn thành)
3	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	11/3/2009	Lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang	1.500	7.813.300.000 VNĐ	06 tháng (đã hoàn thành)
4	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	12/10/2009	Lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang	700	3.668.500.000 VNĐ	06 tháng (đã hoàn thành)
5	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	26/10/2009	Lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang NG SDH 155 Mbits	694	3.521.564.200 VNĐ	02 tháng (đã hoàn thành)
6	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	29/1/2010	Lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang NG SDH	896	4.197.670.400 VNĐ	10 tuần (đã hoàn thành)
7	Công ty Cổ phần Công nghệ Cao DKD	5/1/2010	Lắp đặt Ang ten MCPA cho mạng 3G mobifone	55	544.500.000 VNĐ	08 tuần (đã hoàn thành)
IV	**Dịch vụ Ủy thác Xuất nhập khẩu**					
1	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	18/4/2007	Thiết bị BTS các trạm BTS VNP		12.735.599,32 USD	Tùy thuộc vào dự án
2	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	15/11/2007	Thiết bị BTS cho các trạm BTS VNP		12.832.464,03 USD	Tùy thuộc vào dự án
3	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT	2/21/2008	Thiết máy Gphone		11.434.500 USD	Tùy thuộc vào dự án
4	Công ty Viễn thông Liên Tỉnh VTN	4/22/2008	Thiết bị IPCore		10.558.261,08 USD	Tùy thuộc vào dự án
5	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	8/31/2009	Thiết bị BTS phục lắp đặt hệ thống 3G		18.911.435,37 USD	Tùy thuộc vào dự án
6	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	8/25/2009	Thiết bị BTS phục vụ lắp đặt hệ thống 3G		22.725.021,14 USD	Tùy thuộc vào dự án
7	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	10/26/2009	Thiết bị BTS phục vụ lắp đặt hệ thống 3G		33.985.922,67 USD	Tùy thuộc vào dự án
8	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	1/15/2010	Thiết bị cho hệ thống 3G		14.925.238,84 USD	Tùy thuộc vào dự án

TT	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Tên hàng hóa	Số lượng	Giá trị (VNĐ/USD)	Thời gian thực hiện
9	Công ty Dịch vụ Viễn Thông (Vinaphone)	3/9/2010	Thiết bị cho hệ thống 3G		9.479.149,29 USD	Tùy thuộc vào dự án

Nguồn: VITECO

7.12 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2008	2009		2010	
	Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2008	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2009
Tổng tài sản	147.350	116.585	-20,9%	87.291	-25%
Doanh thu thuần	58.507	88.798	51,8%	140.822	58,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.844	3.323	16,9%	3.566	7,3%
Lợi nhuận khác	372	54	-85,5%	-4	-107,4%
Lợi nhuận trước thuế	3.216	3.377	5,0%	3.562	5,5%
Lợi nhuận sau thuế	2.766	2.955	6,8%	2.671	-9,6%
Tỷ lệ cổ tức (%)	12%	12%	0,0%		

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 của VITECO

- Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2009 tăng khoảng 51,77% so với năm 2008 do doanh thu từ hoạt động thương mại và doanh thu từ sản phẩm tự nghiên cứu và sản xuất năm 2009 tăng so với 2008.
- Tuy nhiên lợi nhuận năm 2009 không tăng tương ứng so với 2008 do chi phí năm 2009 cũng tăng 53% so với năm 2008. Nguyên nhân tăng chi phí năm 2009 đã phân tích ở mục 7.5.
- Công ty được hưởng ưu đãi thuế 100% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2006 và 2007, và ưu đãi 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2008 và 2009.
- Doanh thu thuần năm 2010 tăng mạnh so với 2009 tuy nhiên lợi nhuận không tăng tương ứng do trong năm 2010 Công ty đẩy mạnh việc triển khai mảng thương mại bằng việc cung cấp thiết bị cho Tập đoàn nhưng do trong năm 2010 có biến động rất lớn về tỷ giá lợi nhuận tăng nhưng không tương ứng với tỷ lệ của doanh thu). Mặt khác mảng dịch vụ kỹ thuật (đóng góp lớn vào lợi nhuận) có doanh thu tăng so với năm 2009 nhưng do sự trượt giá của năm 2010 (CPI tăng trên 10%) nên mọi chi phí triển khai như nhân công, chi phí ăn ở, đi lại … đều tăng cao do đó lợi nhuận cũng không tăng tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu.
- Doanh thu năm 2010 đạt 134% kế hoạch và lợi nhuận năm 2010 đạt 101,8% so với kế hoạch.

8. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm báo cáo 2008, 2009, 2010

8.1 Nhân tố thuận lợi

- Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm, tổng doanh thu năm 2010 đạt 7,4 tỷ USD tăng 1,2 tỷ USD so với năm 2009 và phấn đấu đạt 15 tỷ USD năm 2020.
- Công ty có đội ngũ lãnh đạo trẻ, hầu hết có trình độ thạc sỹ về điện tử, viễn thông và đã được đào tạo quản trị kinh doanh cao cấp trong nước.
- Thương hiệu "VITECO" trong ngành viễn thông đang được đánh giá tốt
- Hoạt động của công ty tương đối ổn định do có trụ sở và nhà xưởng ổn định không phải đi thuê văn phòng
- Với tư cách là công ty trực thuộc VNPT, hoạt động kinh doanh của Công ty đã nhận được sự hỗ trợ tích cực hơn của lãnh đạo VNPT trong năm 2009, 2010

8.2 Nhân tố khó khăn

- Khủng hoảng kinh tế làm nhu cầu đầu tư cho cơ sở hạ tầng viễn thông chậm lại.
- Lạm phát là một trong những nguyên nhân tăng chi phí của Công ty.
- Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ biến động ảnh hưởng tới hoạt động nhập khẩu nguyên liệu đầu vào của Công ty.
- Do cơ chế Nhà nước còn chưa linh hoạt nên việc vận động hành lang để có khách hàng tốt gặp khó khăn. Vì vậy, Công ty khó có thể có sự đột biến về lợi nhuận.
- Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều nhà sản xuất tham gia nên sự cạnh tranh về mặt thương hiệu là tương đối lớn. Khoảng 30 doanh nghiệp trong ngành được quản lý bởi viễn thông các tỉnh. Ngoài ra còn có các công ty tư nhân và các công ty trong VNPT.
- Riêng dịch vụ kỹ thuật của VITECO đang phải cạnh tranh với một số đối thủ trong lớn trong ngành và có thuận lợi như TST, Kasati và CT-In.
- Hiện tượng chảy máu chất xám đang có tác động mạnh đến tất cả các doanh nghiệp trong đó có VITECO.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) được cổ phần hóa vào năm 2006. VITECO có đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu và được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến để có thể đảm đương nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật cho mạng lưới Bưu chính - Viễn thông tỉnh, thành phố. Đối với mảng này, VITECO là đơn vị có uy tín và truyền thống nhiều năm trong nhiệm vụ hỗ trợ mạng lưới thông tin cho các Viễn thông tỉnh, thành phố (VITECO là đơn vị đầu tiên của VNPT giao nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa, hỗ trợ lắp đặt và ứng cứu cho các hệ thống tổng đài kỹ thuật số

và các thiết bị phụ trợ). Tuy nhiên, dịch vụ kỹ thuật của VITECO đang phải cạnh tranh với một số đối thủ trong lớn trong ngành như TST, Kasati và CT-In. Dịch vụ này phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố chất lượng nguồn nhân lực. Để đảm bảo luôn có đủ nhân lực cho hoạt động cung cấp dịch vụ, Công ty chú trọng nâng cao chính sách nhân sự như thường xuyên tổ chức các khóa đào nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng tập trung đầu tư đào tạo nâng cao cho các kỹ sư chính theo các chương trình tự đào tạo tạo từ 1 đến 2 năm trở lên ở cả trong và ngoài nước. Các cán bộ sau khi được cấp chứng chỉ đào tạo sẽ được Công ty bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo và có các chính sách ưu đãi như tăng lương ...

Đối với mảng hoạt động thương mại và mảng tự nghiên cứu và sản xuất, do Công ty đã thực hiện mảng dịch vụ kỹ thuật cho viễn thông các tỉnh, thành phố (các Công ty thuộc VNPT như viễn thông Hà Nội, viễn thông các tỉnh...) nên Công ty có lợi thế trong việc nắm bắt các nhu cầu đối với việc cung cấp các thiết bị phụ trợ cho mạng như thiết bị nguồn, thiết bị chống sét, thiết bị chuyển đổi quang điện (mảng thương mại).... và có định hướng đúng đắn cho việc nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm phục vụ mạng lưới. Công ty luôn duy trì và phát triển việc nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, mảng tự nghiên cứu và sản xuất đang chịu sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập ngoại, đặc biệt là Trung Quốc.

VITECO là một trong vài đơn vị được VNPT chỉ định thực hiện dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu cho VNPT, hiện nay là đơn vị chiếm thị phần lớn trong lĩnh vực này.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Hội nhập kinh tế quốc tế có những ảnh hưởng sâu sắc và toàn diện đến sự phát triển của ngành Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin Việt Nam. Việc Việt Nam gia nhập WTO sẽ tạo cho ngành Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin cơ hội phát triển như đổi mới, thu hút vốn nước ngoài, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia. Những cơ hội đầu tư này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp viễn thông trong nước tiếp thu kinh nghiệm quản lý tiên tiến, chuyển giao công nghệ hiện đại đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ cũng như môi trường kinh doanh. Từ đó, các doanh nghiệp sẽ có động lực tự đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng nâng cao sức cạnh tranh; nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Hội nhập kinh tế toàn cầu cũng đem lại cơ hội tốt để để các doanh nghiệp trong nước đào tạo nguồn nhân lực và mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế. Tóm lại, triển vọng phát triển ngành bưu chính viễn thông là tương đối lớn.

Trong Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 có nêu rõ:

Định hướng phát triển đến 2015 và tầm nhìn đến 2020

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông trong mọi lĩnh vực, khai thác có hiệu quả thông tin và tri thức trong tất cả các ngành. Xây dựng và phát triển Việt Nam điện tử với công

dân điện tử, Chính phủ điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử để Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực ASEAN. Hình thành xã hội thông tin.

- Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 15 tỷ đô la Mỹ.
- Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin của xã hội. Mật độ điện thoại đạt trên 50 máy/100 dân trong đó mật độ điện thoại cố định đạt trên 20 máy/100 dân và mật độ điện thoại di động đạt trên 30 máy/100 dân.
- Tầm nhìn 2020: Với công nghệ thông tin và truyền thông làm nòng cốt Việt Nam chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế - xã hội trở thành một nước có trình độ tiên tiến về phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty

- Về Dịch vụ kỹ thuật:
  - Về xây lắp và tư vấn thiết kế: Trong vòng 2 - 3 năm tới, Công ty có thể mở rộng lĩnh vực này trên địa bàn cả nước, trong đó tập trung chiếm lĩnh thị trường miền Trung, đặc biệt là khu vực Tây Nguyên và Tây Nam Bộ vì hiện nay khách hàng của Công ty tập trung chủ yếu ở phía Bắc và phía Nam và cạnh tranh đối với khu vực này đang gia tăng. Hiện nay, Công ty đã giao cho 1 đơn vị trực tiếp tập trung phát triển thị trường này.
  - Về bảo dưỡng: Theo xu hướng phát triển của ngành viễn thông, Công ty sẽ phát triển các hệ thống thiết bị mới như MAN-E, thông tin di động 3G nên lĩnh vực này sẽ có sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các công ty trong VNPT. VITECO sẽ tập trung đầu tư đào tạo cho các kỹ sư nắm bắt nhanh và làm chủ các thiết bị này.
  - Đo kiểm: Với khối lượng thiết kế đưa vào mạng di động dự kiến mỗi năm khoảng 3000 trạm, thị trường này ngày một mở rộng, do đó đây cũng sẽ là lĩnh vực tạo ra lượng doanh thu lớn cho Công ty. VITECO sẽ đẩy mạnh tiếp cận các doanh nghiệp có nhu cầu về lĩnh vực này.
  - Tìm đối tác nước ngoài để triển khai lĩnh vực sửa chữa thiết bị thông tin di động như trạm thu phát sóng BTS.
- Về ủy thác xuất nhập khẩu: giữ vững thị phần trong VNPT trong lĩnh vực này.
- Về mảng tự nghiên cứu và sản xuất
  - Định hướng chung: Tập trung đầu tư vào nghiên cứu các sản phẩm mới, lĩnh vực mới trong tương lai như phát triển các ứng dụng đòi hỏi sự tính toán phức tạp với tốc độ cao như xử lý ảnh, các ứng dụng về xử lý số tín hiệu (DSP) và phát triển các phần mềm điều khiển chuyên dụng khác nhằm đa dạng hóa ngành nghề, giảm thiểu độ rủi ro cạnh tranh và khủng hoảng ngành có thể xẩy ra.

- Trước mắt, bên cạnh thị trường truyền thống trong ngành Viễn thông, cạnh tranh ngày càng khốc liệt, Công ty sẽ chuyển dần sang các thị trường ngoài VNPT như điện lực, dầu khí, Bộ Công an, tổng cục khí tượng thủy văn.... với hoạt động kinh doanh chủ yếu là nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và dịch vụ kỹ thuật (bảo dưỡng và ứng cứu và sửa chữa hệ thống).

- Về mảng thương mại có đem lại doanh thu cho công ty nhưng lợi nhuận thấp. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì nghiệp vụ này để có doanh thu cho hoạt động bảo trì thiết bị viễn thông sau thời gian bảo hành vì doanh thu từ mảng này là tương đối lớn.

Với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới, định hướng phát triển doanh nghiệp cho những năm tới của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Bảng 14: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2010

Tiêu chí	Số lượng (người)
I. Phân theo trình độ học vấn	**198**
1. Trên đại học	08
2. Trình độ đại học	87
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	46
4. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	57
II. Phân theo phân công lao động	**203**
1. Hội đồng quản trị/ Ban giám đốc	¾
2. Lao động quản lý	18
3. Lao động trực tiếp	183

Nguồn: VITECO

10.2 Chính sách với người lao động

Chế độ làm việc

- Chế độ làm việc: 8 giờ/ngày, tuần làm 40 giờ, thứ bảy và chủ nhật nghỉ.
- Các chế độ làm thêm giờ, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, ốm đau, thai sản được thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Việc tuyển dụng và đào tạo được thực hiện theo đúng quy chế của Công ty và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Với mục tiêu để đảm bảo nguồn nhân lực có trình độ, có kỹ thuật, Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm khuyến khích người lao động thường xuyên học tập, nâng cao trình độ nghiệp vụ và tay nghề để đáp ứng yêu cầu ngày càng

cao của công việc. Quy chế tuyển dụng và đào tạo hiện có của Công ty đã mang lại nguồn nhân lực đầy đủ và có trình độ đáp ứng kịp thời, đầy đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, hiện tượng chảy máu chất xám xảy ra rất phổ biến hiện nay ở tất cả các Công ty trong ngành Viễn thông. Đứng trước hiện tượng này, Công ty đã và đang tìm biện pháp để khắc phục như: tuyển dụng bổ sung cho các vị trí bị thiếu, tăng cường đào tạo cho các vị trí mới tuyển dụng để đảm đương công việc. Công ty tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ đang công tác và mở thêm các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ mới để đón đầu các công việc cho tuơng lai. Công ty tiến hành các hoạt động đánh giá công việc hàng tháng, quý, năm để phân phối lại thu nhập cho người lao động theo đúng sức lao động cũng như có chế độ khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân đơn vị có thành tích nổi bật trong sản xuất kinh doanh. Trên cở sở những đánh giá đó, Công ty điều chỉnh thường xuyên thu nhập cho người lao động theo mặt bằng xã hội, kết hợp với các chế độ ưu đãi cổ phiếu cho những cán bộ có nhiều năm công tác. Ngoài những biện pháp trên, Công ty còn dành nhiều khoản trợ cấp cho những người có hoàn cảnh khó khăn và tổ chức các hoạt động ngoại khóa như chương trình tham quan, nghỉ mát, tặng quà cho CBCNV nhân ngày sinh nhật,ngày 8-3, các hoạt động văn hóa, thể thao, các buổi giao lưu. Những hoạt động này nhằm mục đích thắt chặt thêm mối quan hệ đồng nghiệp. Ban lãnh đạo còn thể hiện sự quan tâm thường xuyên đến đời sống CBCNV qua việc tổ chức bữa ăn ca, chi trả tiền làm thêm giờ, đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn cho các CBCNV, tiền thuê bao điện thoại di động, phụ cấp đi lại, chế độ công tác phí phù hợp, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, có chính sách ưu tiên với các CB thường xuyên đi công tác xa. Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến các cán bộ có tay nghề cao, nắm giữ các bí quyết công nghệ và các cán bộ quản lý qua việc tổ chức các buổi giao lưu với các cán bộ có thành tích để tăng thêm sự gắn bó, bố trí nơi làm việc, trang bị công cụ làm việc phù hợp, thuận tiện, mạnh dạn đề bạt các cán bộ trẻ tích cực có nhiều thành tích để nắm giữ các cương vị quan trọng trong Công ty. Công ty thường xuyên đánh giá để sắp xếp cán bộ theo đúng năng lực, nhu cầu để phát huy tối đa khả năng CBCNV.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Lương tháng bình quân năm 2007 là 4 triệu đồng/người, năm 2008 là 4,4 triệu đồng/người và năm 2009 là 5,5 triệu đồng/người. Tiền lương, tiền thưởng: được trả cho người lao động theo đúng quy chế trả lương, thưởng của Công ty dựa trên cơ sở vị trí công việc đảm nhận và kỹ năng của từng người lao động. Quy chế trả lương được Công ty xây dựng nhằm đảm bảo tính công bằng, đồng thời khuyến khích người lao động. Đối với bộ phận trực tiếp sản xuất, Công ty thực hiện trả lương khoán. Để tăng năng suất lao động, tiền thưởng cũng được xác định dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả công việc của từng vị trí.

Bên cạnh các chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động trong Công ty còn được hưởng chế độ trợ cấp khác khi có hiếu hỉ, đau ốm, tai nạn...Lãnh đạo Công ty đều trực tiếp động viên, thăm hỏi. Chính sách này đã giúp người lao động phấn khởi, tích cực lao động sản xuất và gắn bó lâu dài với lợi ích của Công ty.

Ngoài ra, Công ty có chính sách ưu tiên cho các cán bộ chủ chốt và các cán bộ có thời gian công tác lâu năm được quyền mua cổ phiếu của Công ty.

Trong quy chế tuyển dụng, Công ty cũng ưu tiên người nhà CBCNV trên cơ sở đạt được các tiêu chí đề ra.

11. Chính sách cổ tức

Trong những năm từ sau cổ phần hóa, Công ty đều duy trì tỷ lệ trả cổ tức là 12% và trả bằng tiền mặt. Mức cổ tức này so với các Công ty khác thuộc mức trung bình, nhưng đều đặn qua các năm nhằm đem lại thu nhập ổn định cho các cổ đông, đồng thời chính sách chi trả cổ tức này tạo điều kiện cho Công ty có thêm nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh, phục vụ sự phát triển lâu dài, bền vững.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009, kế hoạch chi trả cổ tức năm 2009 là 1.800 triệu đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2010, ĐHĐCĐ Công ty đã quyết định thực hiện chi trả cổ tức năm 2009 là 1.812 triệu đồng tương đương 12% vốn điều lệ. Công ty thông báo chi trả tiền cổ tức năm 2010 từ ngày 7/10/2010.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán hiện hành; Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam.

12.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 15: Số năm khấu hao TSCĐ

TT	LOẠI TSCĐ	SỐ NĂM KHẤU HAO
1	Nhà cửa vật kiến trúc	05- 11 năm
2	Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
3	Phương tiện vận tải	06 - 8 năm
4	Thiết bị văn phòng	03 năm

Nguồn: BCTC năm 2010 của Công ty

12.1.2 Mức thu nhập bình quân

Lương bình quân năm 2009 Công ty VITECO là 5,5 triệu đồng/người. Lương bình quân năm 2009 của các Công ty trong ngành Bưu chính Viễn thông là 3,4 triệu đồng/người.

12.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các báo cáo của Công ty và báo cáo đã được kiểm toán năm 2008, 2009, Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản vay và nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

12.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hàng quý, thực hiện kê khai và nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và các loại thuế khác đúng thời gian quy định của Nhà nước.

12.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29/05/2010, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập quỹ năm 2009 như sau:

Bảng 16: Bảng kê trích lập các quỹ 2006 – 2009

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	Ghi chú
Trích quỹ ĐTPT trong năm (trước điều chỉnh)	903.584.967	729.742.283	422.141.647	Căn cứ theo NQĐHCĐ các năm 2007 - 2009
Trích quỹ ĐTPT trong năm (sau điều chỉnh)	843.345.969	450.265.517	422.141.647	Căn cứ theo NQĐHCĐ bất thường số 09/NQ-VITECO-HĐQT ngày 22/10/2010
Trích quỹ DPTC trong năm (trước điều chỉnh)	150.597.495	138.295.837	150.000.000	Căn cứ theo NQĐHCĐ các năm 2007 - 2009
Trích quỹ DPTC trong năm (sau điều chỉnh)	0	0	0	Căn cứ theo NQĐHCĐ bất thường số 09/NQ-VITECO-HĐQT ngày 22/10/2010
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	150.597.495	138.295.837	150.000.000	Căn cứ theo NQĐHCĐ các năm 2007 - 2009

Nguồn: Viteco

Bảng 17: Số dư quỹ đến 2010

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2010
Quỹ ĐTPT	825.349.251
Quỹ DPTC	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(216.475.803)

Chỉ tiêu	2010

Nguồn: Viteco

Năm 2009, Công ty thực hiện trích lập quỹ Đầu tư phát triển theo quy định tại CV số 499 TC/TCDN ngày 16/01/2002. Toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm ở DNNN thực hiện chuyển đổi sở hữu là 422.141.647 đồng cho năm 2009 được hạch toán vào Quỹ đầu tư phát triển.

12.1.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 18: Tình hình dư nợ vay của Công ty giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: đồng

TT	ĐỐI TƯỢNG	DƯ NỢ 31/12/2008	DƯ NỢ 2009 31/12/2009	DƯ NỢ 31/12/2010
1	Vay và nợ ngắn hạn	4.275.877.974	678.000.000	2.847.576.589
2	Vay và nợ dài hạn	0	0	156.000.000
	Tổng cộng	**4.275.877.974**	**678.000.000**	**3.003.576.589**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 của Công ty

.

Bảng 19:Chi tiết các hợp đồng tín dụng đã ký kết

Đơn vị: đồng

TT	ĐỐI TƯỢNG	DƯ NỢ 31/12/2008	DƯ NỢ 31/12/2009	DỰ NỢ 31/12/2010
1	**Vay và nợ ngắn hạn**	**4.275.877.974**	**678.000.000**	**2.847.576.589**
	-Vay để nhập mua thiết bị lắp đặt Inbuilding pha 5 theo HĐ số TST-VITECO-02/2007 ngày 02/07/07	297.494.352		
	Hợp đồng tín dụng số 017/2008 THTD/PTF/viteco - Vay để đầu tư mua xe ô tô FORD Everest 4x2P 2007	395.776.122		
	HĐTD số 010/2008/NHTD/PTF-VITECO.Vay tiền của Công ty TCBĐ để trả cho Cty NPT	532.647.500		
	Vay HĐTD số 9/2008/NHTD/PTF-VITECO Thanh toán cho DNTN Thành Phong lần I	2.269.960.000		

Đơn vị: đồng

TT	ĐỐI TƯỢNG	DƯ NỢ 31/12/2008	DƯ NỢ 31/12/2009	DỰ NỢ 31/12/2010
	Hợp đồng tín dụng số 002/2008/THTD/PTF-VITECO - Vay để đầu tư mua xe ô tô Mercedes C230 Avantgarde	780.000.000	468.000.000	
	Vay CBCNV công ty		210.000.000	755.226.000
	Hợp đồng tín dụng số 004/2010/NHTD/PTF-VITECO			1.780.350.589
2	**Vay và nợ dài hạn**	**0**	**0**	**156.000.000**
	Tổng cộng	**4.275.877.974**	**678.000.000**	**3.003.576.589**

Nguồn: VITECO

12.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 20: Các khoản phải thu ngắn hạn giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
Phải thu khách hàng	46.639.853.259	40.806.265.214	25.684.479.585
Trả trước cho người bán	687.400.228	833.907.110	794.212.099
Phải thu nội bộ ngắn hạn	0	0	0
Phải thu khác	7.858.277.838	6.527.076.572	3.402.681.563
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(321.564.040)	(354.824.684)	(44.342.565)
Tổng cộng	**54.863.967.285**	**47.812.424.212**	**29.837.030.682**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 của Công ty

Trong năm 2010 Công ty đã đẩy mạnh việc thu hồi công nợ chỉ đạo việc triển khai công việc theo các quy trình (đạt chứng chỉ ISO 9001/2000 năm 2010), quy phạm đảm bảo việc hoàn thành các thủ tục nghiệm thu bàn giao sớm nhất và hỗ trợ cho việc thanh quyết toán nhanh gọn do đó năm 2010 tuy doanh thu tăng nhưng các khoản nợ của khách hàng đã giảm đáng kể so với các năm trước.

Bảng 21: Chi tiết về các khoản phải thu khác trong năm 2010

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 31/12/2010
1	Công ty Dịch vụ viễn thông Vinaphone	36.530.846
2	Bảo hiểm xã hôi, bảo hiểm y tế	145.357.705
3	Tiền ủng hộ	122.000.000
4	Phải thu CBCNV tiền mua cổ phần	51.840.000
5	Tiền điện thoại vượt khoản	6.463.944
6	Các khoản chi hộ liên quan đến Hợp đồng ủy thác nhập khẩu	2.925.501.738
7	Các khoản phải thu khác	177.187.330
	Tổng cộng	**3.464.881.563**

Nguồn: VITECO

Bảng 22: Các khoản phải trả ngắn hạn giai đoạn 2008 – 2010

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
1. Phải trả người bán	14.231.857.662	8.808.056.543	9.424.616.168
2. Người mua trả tiền trước	1.000.369.805	1.477.347.849	1.481.173.768
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	3.159.572.756	1.394.887.561	2.103.324.968
4. Phải trả công nhân viên	1.343.660.041	2.844.870.392	2.465.254.898
5. Chi phí phải trả	1.658.666.450	2.360.816.861	2.469.184.620
6. Phải trả nội bộ	5.104.004.079	22.518.353.309	6.044.740.983
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	96.220.610.458	56.246.486.347	38.742.161.332
8.Dự phòng phải trả ngắn hạn			910.830.846
9.Quỹ khen thưởng, phúc lợi			(216.457.803)
Tổng cộng	**122.718.741.251**	**95.560.818.862**	**63.424.811.780**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 của Công ty

Nguyên nhân các khoản phải trả người bán năm 2009 giảm so với 2008 do Công ty thúc đẩy hoạt động thương mại trong năm 2009 nên chu kỳ thanh toán ngắn hạn được rút ngắn hơn so với 2008.

Khoản phải trả nội bộ năm 2009 tăng 340% so với 2008 do việc xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 khi cổ phần hóa DN vào cuối năm 2008, đầu năm 2009.

Các khoản phải trả, phải nộp khác chủ yếu là các khoản phải trả do nhận ủy thác. Cụ thể đây là các khoản thuế, giá trị thiết bị do đơn vị ủy thác chuyển cho công ty để công ty trả cho các đối tác và nộp các khoản thuế hộ đơn vị ủy thác do vậy các khoản này mang tính chất thời điểm và năm 2009 các khoản này giảm 41,55% so với 2008.

Trong năm 2010 Công ty đã phối hợp cùng với tập đoàn VNPT tiến hành rà soát, đối chiếu các khoản nợ giữa các đơn vị thành viên của VNPT nợ VITECO và VITECO nợ VNPT. Qua đó đã tiến hành việc bù trừ công nợ giữa các khoản nợ này nên các khoản phải trả nội bộ (nợ VNPT) giảm 74%.

Trong năm 2010 Công ty đẩy mạnh việc thu hồi công nợ, rút ngắn vòng quay vốn do đó các khoản phải nộp ngắn hạn giảm khoảng trên 30%.

Bảng 23: Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước của Công ty đến thời điểm 31/12/2010

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	SỐ DƯ	HẠN NỘP
Số còn phải nộp đầu năm (01/01/2010)	1.394.887.561	
Số phải nộp phát sinh trong kỳ (2010)	6.232.795.621	
Số đã nộp trong năm 2010	5.524.358.214	
Số phải nộp cuối kỳ (31/12/2010)	**2.103.324.968**	**31/03/2011**

Nguồn: Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ với Nhà nước.

12.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty (2008 – 2010)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2009	2010
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện thời = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	1,10	1,14	1,22
Khả năng thanh toán nhanh = (Tiền và các khoản tương đương tiền + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn + Các khoản phải thu ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn	lần	0,92	0,81	0,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Tỷ lệ nợ vay/Tổng tài sản = (Vay và nợ ngắn hạn + Vay và nợ dài hạn)/Tổng tài sản	%	2,90	0,58	3,44
Tỷ lệ nợ vay/Vốn chủ sở hữu = (Vay và nợ ngắn hạn + Vay và nợ dài hạn)/Vốn chủ sở hữu	%	21,12	3,35	14,52
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2009	2010
Ngày tồn kho trung bình năm = (Hàng tồn kho*365)/Giá vốn hàng bán	ngày	168,74	148,31	1.888,7
Vòng quay khoản phải thu = (Các khoản phải thu*365)/Doanh thu	ngày	342,28	193,26	77,5
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,73	3,27	1,9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,66	14,59	12,92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	1,88	2,53	3,06
Tỷ suất lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	4,86	3,68	2,53

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009, 2010 của Công ty

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : NGUYỄN TUẤN HÒA

Số CMND : 010153797 Cấp ngày 26/03/2001 tại Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 17/11/1960

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số nhà 21, ngõ 72 Khương Trung, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại liên lạc : (04)3862 2723 / 094 698 9898

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Vô tuyến điện/Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 8/1978 – 4/1982 Báo vụ, cán bộ khung trường Báo vụ - Bộ tư lệnh Thông tin Liên lạc
- 5/1982 – 7/1987 Chuyển ngành học Đại học Thông tin liên lạc
- 8/1987 – 3/1989 Kỹ sư Xí nghiệp Khoa học sản xuất thiết bị thông tin I
- 4/1989 – 5/1991 Kỹ sư Xí nghiệp liên doanh sản xuất thiết bị Viễn thông

▪ 6/1991 – 9/1994	Kỹ sư Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 10/1994 – 12/1996	Trưởng xưởng SKD Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 01/1997 – 12/1998	Trợ lý giám đốc/ Phó ban dây chuyền công nghệ mới Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 01/1999 – 12/2001	Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 01/2002 – 03/2002	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 04/2002 – 12/2004	Phó giám đốc Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 01/2005 – 03/2006	Phó giám đốc phụ trách Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 04/2006 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 269.200 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 17,24% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện pháp nhân cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: 255.000 cổ phần tương đương 16,33% vốn điều lệ.
- Cá nhân: 14.200 cổ phần tương đương 0,91% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan:

- Bà Trần Thị Phương Nam (vợ): 6.040 cổ phần tương đương 0,39% vốn điều lệ
- Ông Nguyễn Thanh Hiền (em ruột): 4.570 cổ phần tương đương 0,29% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

2. Họ và tên : PHẠM VĂN TUẤN

Số CMND : 012518033 Cấp ngày 15/04/2002 tại Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 01/05/1957

Nơi sinh : Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 17 ngõ Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : (04)3862 2732 / 091 329 0800

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hữu tuyến điện

Quá trình công tác:

- 6/1983 – 5/1986 Kỹ sư Bưu điện tỉnh Hà Nam Ninh
- 6/1986 – 12/1989 Kỹ sư Bưu điện huyện Hải Hậu
- 01/1990 – 03/1992 Phó phòng Bưu điện huyện Hải Hậu
- 04/1992 – 9/1999 Trưởng phòng Bưu điện huyện Hải Hậu
- 10/1999 – 03/2007 Chuyên viên chính Ban TCCB-LĐ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- 04/2007 đến nay Uỷ viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Uỷ viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 260.100 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 16.66% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện pháp nhân cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: 255.000 cổ phần, tương đương 16.33% vốn điều lệ.
- Cá nhân: 5.100 cổ phần, tương đương 0,33% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

3. Họ và tên : PHẠM QUỐC SỸ

Số CMND : 011948134 Cấp ngày 20/04/1996 tại Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 12/07/1974

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 9/6 tổ 56 Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại liên lạc : (04)3862 2726 / 091 321 2770

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử Viễn thông/ Thạc sỹ Điện tử Viễn thông.

Quá trình công tác:

- 9/1996 – 12/2001 Kỹ sư Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
- 01/2002 – 4/2002 Phó giám đốc Trung tâm CTTA Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
- 05/2004 – 4/2006 Giám đốc Trung tâm CTTA Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
- 05/2006 – 09/2006 Giám đốc Trung tâm Viễn thông Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
- 10/2006 -9/2009 Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
- 09/2009 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Uỷ viên Hội đồng Quản trị/ Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 264.840 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 16,96% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện pháp nhân cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: 255.000 cổ phần, tương đương 16.33% vốn điều lệ.
- Cá nhân: 9.840 cổ phần, tương đương 0,63% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

4. Họ và tên : NGUYỄN HỮU CƯ

Số CMND : 023762699 Cấp ngày 20/10/1999 tại Tp. HCM

Giới tính : Nam

Năm sinh : 10/12/1962

Nơi sinh : Quảng Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : A11/70 Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, Tp. HCM

Điện thoại liên lạc : (08)3845 3427 / 090 370 0914

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện tử hạt nhân.

Quá trình công tác:

- 1984 – 1988 Công tác tại Viện Hạt nhân Đà Lạt
- 1988 – 1989 Xí nghiệp Sửa chữa thiết bị thông tin 3 Đà nẵng
- 1989 – 1992 Công ty liên doanh sản xuất thiết bị viễn thông VTC- Tp. HCM
- 1992 – 1996 Công ty Thiết bị điện thoại (VITECO)
- 1996 -1999 Phó Giám đốc Trung tâm Bảo dưỡng OMC2 – Công ty Thiết bị Điện thoại Chi nhánh tại Tp. HCM
- 1999 – 2005 Phó giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông VTC tại Tp.HCM
- 2005 – 2006 Trưởng văn phòng đại diện phía Nam Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
- 2006 – 8/2009 Giám đốc Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO00
- 09/2009 đến nay Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 6.219 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0,40% vốn điều lệ, trong đó:

- Đại diện pháp nhân cho Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ.
- Cá nhân: 6.219 cổ phần, tương đương 0,40% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

5. Họ và tên: NGUYỄN XUÂN ĐỨC

Số chứng minh thư: 011393935 cấp ngày 03/11/2006 tại Hà nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/06/1970

Nơi sinh: Vĩnh phúc

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên sở, Hòa đức, Hà nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 39,P. Yên hòa, Cầu giấy, Hà nội

Số điện thoại: 0913202999

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ĐT-VT, Thạc sỹ QTKD (MBA), Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 9/1991- 1/1999 — Kỹ sư kỹ thuật, Công ty Thiết bị Điện thoại (VITECO)
- 2/1999- 8/2002 — Chuyên viên Ban kế hoạch , TCTy BC-VT VN (VNPT)
- 9/2002-4/2007 — Trợ lý Phó TGĐ, Tập đoàn VNPT
- 5/2007-5/2010 — Phó GĐ Công ty Tài chính Bưu điện,VNPT
- 5/2010 — Ủy viên HĐQT, Giám đốc Tài chính Công ty CP Dịch vụ Hạ tầng mạng
- 06/2010 đến nay — Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0 cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

6. Họ và tên: Phan Thanh Sơn

Số chứng minh thư: 011457110 cấp ngày 27/8/2003 tại Hà nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 1/4/1970

Nơi sinh: Hà nội.

Quốc tịch: Việt nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Quế Châu, Quế Sơn, Quảng Nam.

Địa chỉ thường trú: A5 Lô 11, Khu đô thị Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Số điện thoại: 0905645678

Trình độ văn hóa: Đại học.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư viễn thông.

Quá trình công tác:

- 6/1993 – 5/1995 Công ty thiết bị điện thoại VITECO
- 6/1996 - nay Giám đốc Công ty TNHH Thiên Việt.
- 06/2010 đến nay Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0 cổ phần tương đương 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13.2 Ban kiểm soát

1. Họ và tên : **NGUYỄN THÚY LAN**

Số CMND : 011698875 Cấp ngày 24/05/2001 tại Hà Nội

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 28/01/1968

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số 25B ngõ Hàn Thuyên, phố Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, HN

Điện thoại liên lạc : (04)3636 6485 / 090 418 1377

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Trung cấp tài vụ kế toán công nghiệp/ Cử nhân kinh tế ngoại thương/ Thạc sỹ quản lý.

Quá trình công tác:

▪ 01/1996 – 04/2006	Cử nhân kinh tế công tác tại phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
▪ 05/2006 – 04/2007	Cử nhân kinh tế công tác tại phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
▪ 05/2007 – 08/2009	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
▪ 09/2009 đến nay	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát/ Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 1.900 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0,12% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

2. Họ và tên : **NGUYỄN THÚY BÌNH**

Số CMND : 113058390 Cấp ngày 31/3/2003 tại Hà Nội

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 20/10/1980

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : Số nhà 21 ngõ 36/2 đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại liên lạc : 095 320 1080

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Đại học ngoại thương Hà Nội.

Quá trình công tác:

- 5/2002 – 7/2003 Cán bộ kinh doanh Công ty máy tính Thế Trung (CMS)
- 07/2003 -06/2008 Trưởng nhóm thanh toán quốc tế - Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt
- 07/2008 – 12/2009 Học MBA tại Wisconsin, Mỹ
- 12/2009 đến nay Cố vấn tài chính – Công ty CP Viễn thông Đầu tư và Thương mại Quốc tế (ITECOM)

Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 9.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0,58% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

3. Họ và tên : **NGUYỄN XUÂN TƯ**

Số CMND : 012070983 Cấp ngày 24/11/1997 tại Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 17/09/1969

Nơi sinh : Thanh Hoá

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 12-14 Hàng Hành, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại liên lạc : 091 322 6808

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thông tin, cử nhân quản trị kinh doanh CN&XDCB, Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác:

- 7/1995 – 03/2006 Kỹ sư Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
- 04/2006 – 07/2006 Thành viên ban kiểm soát. Kỹ sư Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO
- 07/2006 đến nay Công tác tại Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 1.000 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0,06% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

13.3 Kế toán trưởng

Họ và tên : **PHÙNG GIANG NAM**

Số CMND : 012090974 Cấp ngày 07/02/1998 tại Hà Nội

Giới tính : Nam

Năm sinh : 08/11/1973

Nơi sinh : Tuyên Quang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Tân Yên, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú : Lô 2 Đầm Xoài, Ô Chợ Dừa, HN

Số điện thoại liên lạc : (04)3862 2728 / 090 323 3557

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1996 – 10/2001 Cử nhân kinh tế Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
- 11/2001 – 03/2006 Kế toán trưởng Trung tâm O&M Công ty Thiết bị Điện thoại VITECO
- 04/2006 đến nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 01/06/2010: 7.074 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại thời điểm 01/06/2010: 0,45% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán những người liên quan tại thời điểm 01/06/2010: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đến tổ chức niêm yết: Không

14. Tài sản

Bảng 25: Một số tài sản chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá		Giá trị còn lại		Tỷ lệ còn lại (%)	
		31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009	31/12/10
	Tài sản cố định hữu hình	**16.204.428.734**	**16.814.989.537**	**5.741.278.270**	**5.222.264.224**	**35,4**	**31,1**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.116.605.690	5.146.809.440	3.131.014.904	2.938.186.885	61,2	57,1
2	Máy móc thiết bị	3.676.383.220	4.382.153.221	643.533.803	961.789.333	17,5	21,9
3	Phương tiện vận tải	6.259.933.481	6.274.433.481	1.792.887.382	1.146.252.763	28,6	18,3
4	Tài sản cố định khác	1.151.506.343	45.026.402	173.842.181	0	15,1	0
	Tài sản cố định vô hình	**1.088.217.517**	**1.148.217.517**	**1.043.481.277**	**1.059.868.646**	**95,8**	**92,3**
5	Quyền sử dụng đất	1.703.217.517	1.073.217.517	1.073.443.517	1.001.669.677	63	93,3
6	Phần mềm máy tính	15.000.000	75.000.000	6.037.680	58.198.969	40	75,6

Nguồn: BCTC năm 2009, 2010 của Công ty

Tài sản cố định vô hình là chi phí đất ở Khương Đình trả cho UBND Quận Thanh Xuân và phần mềm máy tính.

Bảng 26: Tình hình đất đai tính đến thời điểm 31/12/2010

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời gian bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
1	Tại số 35 ngõ 61 Lạc Trung-Phường Vĩnh Tuy-Quận Hai Bà Trưng-TP. Hà nội.	1.231	01/01/1996	20	Thuê đất, trả tiền hàng năm
2	Số 28 ngõ 250 Khương Trung-	697			Giao đất, trả tiền

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời gian bắt đầu thuê	Thời hạn (năm)	Loại hình
	Phường Khương Đình-Quận Thanh Xuân-TP Hà nội.				thuê đất hàng năm

Nguồn: VITECO

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011-2013

15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011 - 2013

Bảng 27: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty 2011-2013

Chỉ tiêu	2010	2011		2012		2013	
	Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2010	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2011	Giá trị	% tăng (giảm) so với 2012
Vốn điều lệ bình quân (triệu đồng)	15,612	15,612	0.00%	30,000	92.16%	30,000	0.00%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	140,822	153,000	8.65%	180,000	17.65%	210,000	16.67%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	2,671	3,053	14.30%	4,500	47.42%	5,250	16.67%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần(%)	1.89%	2.00%		2.50%		2.50%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân (%)	17.11%	19.55%		15.00%		17.50%	
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	12.00%	12.00%	0.00%	12.00%	0.00%	12.00%	0.00%

Nguồn VITECO

Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2011

- Căn cứ vào các Hợp đồng năm 2010 Công ty đã ký kết với các đối tác và hiện đang triển khai thực hiện:
  - Hợp đồng cung cấp 894 hệ thống nguồn điện DC và Accu dùng cho các trạm BTS cho Công ty VINAPHONE
  - Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các hệ thống MiniDSLAM cho 30 tỉnh phía bắc với VNPT
  - Các hợp đồng khung ký về dự án 3G và lắp đặt WCDMA của công ty Vinaphone ký với ZTE;
  - Hợp đồng bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa, trợ giúp vận hành, xử lý và ứng cứu đột xuất thiết bị viễn thông đang khai thác trên mạng hệ thống thiết bị truyền dẫn quang SDH với viễn thông các tỉnh;
  - Các hợp đồng IBS ký với công ty VNP, VMS, Viettel;
  - Các hợp đồng ủy thác thiết kế kỹ thuật, cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống vô tuyến 3G khu vực miền bắc (bao gồm cả Tp. Hà Nội) thuộc dự án phủ sóng UMTS 3G tại khu vực 12 tỉnh miền Bắc mạng VNP giai đoạn 2009 – 2010;
  - Hợp đồng ủy thác thiết kế kỹ thuật, cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống vô tuyến 3G tại Tp. Hà Nội và Tp. HCM thuộc dự án phủ sóng MTS mạng VNP giai đoạn 2009 – 2010;

- Các hợp đồng lắp đặt, hòa mạng, tối ưu BTS cho các công trình IBS;
- Căn cứ vào các tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận trong quá khứ

- Sau khi trụ sở của VITECO được xây dựng, Công ty sẽ chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện kế hoạch đã đề ra.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011, 2012 là 25%

15.2 Giới thiệu về dự án nhà làm việc của Công ty

15.2.1 Tên dự án: Trụ sở làm việc

Xây dựng nhà làm việc Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO

15.2.2 Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính Phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 về việc hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ; Nghị định số 99/2007/NĐ-CP về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, thông tư số 05/2007/TT-BDX ngày 25/7/2007 hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.
- Quyết định 756/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội ngày 18 tháng 2 năm 1997 v/v cho phép Công ty Thiết bị điện thoại (VITECO) được tiếp tục sử dụng đất tại phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội để xây dựng nhà ở cao tầng kết hợp làm Văn phòng giao dịch.
- Tờ trình số 34/VITECO v/v Xin điều chỉnh lại nội dung sử dụng đất của công ty thiết bị điện thoại ngày 6 tháng 2 năm 2001.
- Thoả thuận QH-KT công trình nhà ở và nhà làm việc, XD tại khu đất phường Khương Đình, quận Thanh Xuân của Sở Quy hoạch – Kiến trúc Hà Nội ngày 11 tháng 12 năm 2002.
- Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty số 173A/QĐ-VITECO ngày 24/03/2009 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng nhà làm việc Công ty CP Công nghệ Viễn thông VITECO tại ngõ 250 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

15.2.3 Sự cần thiết đầu tư

Hiện nay, trụ sở của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông VITECO ở số nhà 35, ngõ 61 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Hai bà Trưng, Hà Nội. Đó là 1 khu nhà 3 tầng đã cũ được xây dựng cách đây gần 20 năm, do kiến trúc công trình lạc hậu nên mới được sửa chữa cải tạo cuối năm 2003 thành 4 tầng. Toàn bộ diện tích sử dụng là 710m2x4 tầng không phù hợp với công năng sử dụng văn phòng cũng như việc bố trí điều kiện làm việc cho 185 CBCNV đang phục vụ công tác,

đó là chưa kể đến số CBCNV dự kiến sẽ còn tăng thêm dựa trên quy mô phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với chức năng và nhiệm vụ như trên đòi hỏi doanh nghiệp công ty cần phải có thêm trụ sở để giao dịch, điều hành và trực tiếp sản xuất để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.

15.2.4 Hình thức đầu tư

Đầu tư xây dựng mới với quy mô như sau:

- Diện tích đất được phép xây dựng: 487 m2
- Diện tích xây dựng văn phòng: 308 m2
- Mật độ xây dựng toàn khu: 55,4 %
- Tổng diện tích sàn: 2206 m2
- Hệ số sử dụng đất: 4,5 lần
- Số tầng: 5 tầng + 1 trệt + 1 tum
  - Tầng trệt: để xe và sảnh chính
  - Tầng 1 – 5: văn phòng làm việc
  - Tầng tum mái: phòng đa năng

15.2.5 Địa điểm đầu tư

Công trình nằm tại phường Khương Đình – Quận Thanh Xuân – Hà Nội.

15.2.6 Tổng vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư: 18.000.634.000 đồng

Cơ cấu nguồn vốn:

- Vốn tự có: 2.993.180.282 đồng.
- Vốn vay Ngân hàng (với lãi suất 10,5%/năm): 15.007.453.463 đồng.

15.2.7 Tiến độ thực hiện của dự án

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: 17 tuần.
- Giai đoạn thi công xây lắp xây lắp: 40 tuần.
- Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng: từ quý I năm 2011

16. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động; dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua (từ sau khi cổ phần hóa

năm 2006 Công ty đạt được mức tăng trưởng tương đối ổn định về doanh thu và lợi nhuận), chiến lược đầu tư của Công ty trong tương lai và mức dự báo tăng trưởng của ngành Viễn thông nói chung, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông VITECO có tính khả thi và có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) VNĐ/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

1.561.244 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức hiện hành

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng là: 54.333 cổ phiếu, cụ thể:

- Thành viên chủ chốt: 100% số cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (54.333 cổ phiếu) bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian sáu tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này (27.166 cổ phiếu) trong thời gian sáu tháng tiếp theo.

Bảng 28: Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG KỂ TỪ NGÀY NIÊM YẾT	
			TRONG VÒNG 6 THÁNG ĐẦU	TRONG VÒNG 6 THÁNG TIẾP THEO
Hội đồng Quản trị				

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG KỂ TỪ NGÀY NIÊM YẾT	
			TRONG VÒNG 6 THÁNG ĐẦU	TRONG VÒNG 6 THÁNG TIẾP THEO
1	Nguyễn Tuấn Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	14.200	7.100
2	Phạm Văn Tuấn	Ủy viên HĐQT / Phó tổng giám đốc	5.100	2.550
3	Phạm Quốc Sỹ	Ủy viên HĐQT / Phó tổng giám đốc	9.840	4.920
4	Nguyễn Xuân Đức	Ủy viên HĐQT	0	0
5	Phan Thanh Sơn	Ủy viên HĐQT	0	0
Ban Giám đốc				
6	Nguyễn Hữu Cư	Phó tổng giám đốc	6.219	3.109
Ban Kiểm soát				
7	Nguyễn Thúy Lan	Trưởng ban kiểm soát	1.900	950
8	Nguyễn Thúy Bình	Thành viên BKS	9.000	4.500
9	Nguyễn Xuân Tư	Thành viên BKS	1.000	500
Kế toán trưởng				
10	Phùng Giang Nam	Kế toán trưởng	7.074	3.537
	Tổng cộng		**54.333**	**27.166**

Nguồn: Số liệu sổ cổ đông ngày 1/6/2010 của VITECO

5. Phương pháp tính giá

Công thức tính giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{(Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng phúc lợi)}}{\text{(Số lượng cổ phần đang lưu hành - cổ phiếu quỹ)}}$$

Tại thời điểm 31/12/2009, căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty là:

= (20.259.934.047 – 74.808.967)/1.561.244

= 12.929 VNĐ/cổ phần.

Tại thời điểm 31/12/2010, căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010, giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty là:

= 20.681.723.710 /1.561.244

= 13.247 VNĐ/cổ phần.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2009.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

Công ty chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%.

Theo quy định tại điểm 1 Điều 36 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Theo đó, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm 2006, 2007 và chịu thuế suất thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất trong năm 2008: 14%, 2009: 12,5% và 2009: 12,5%. Năm 2010, mức thuế suất là 25%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức Tư vấn

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 3824 2897 Fax: (08) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

- CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 3821 8567 Fax: (08) 3821 3867

- CN Vũng Tàu - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: Số 4 Lê Lợi, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh

ĐT: (064) 352 1906 Fax: (064) 352 1907

- CN Nha Trang – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 50 Lê Thanh Phương, TP Vũng Tàu

ĐT: (058) 381 6969 Fax: (058) 381 6968

- CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (04) 3936 6321 Fax: (04) 3936 6311

- CN Hàm Long – Công ty Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 14 - 16 Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3942 6718 Fax: (04) 3942 6719

- CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

ĐT: (031) 356 9123 Fax: (031) 356 9130

- CN Quảng Ninh - Công ty Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Đại Hải, 156B Lê Thánh Tông, Quảng Ninh

ĐT: (033) 381 5678 Fax: (033) 381 5680

2. Tổ chức kiểm toán

Tổ chức báo cáo kiểm toán 2009:

- Công ty TNHH Tư vấn thuế - Kế toán và kiểm toán Việt Nam

Địa chỉ: P303, C7 Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 04.2287 2121 Fax: 04.2287 1799

Tổ chức báo cáo kiểm toán 2010

- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và kiểm toán (AASC)

Trụ sở chính : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (84.4) 3824 1990 - Fax: (84.4) 3825 3973

Chi nhánh : Số 27 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM.

Tel : (84.8) 3848 5983 - (84.8) 3848 5776. Fax : (84.8) 3547 1838

Văn phòng đại diện : Số 2 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh.

Tel : (84.033) 627 571. Fax : (84.033) 627 572

Email : webmaster@aasc.com.vn & aaschn@hn.vnn.vn. Website : http://aasc.com.vn

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009, 2010

Phụ lục 4: Nghị quyết họp HĐQT thông qua hồ sơ niêm yết.

Phụ lục 5: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

Phụ lục 6: Các giấy tờ khác có liên quan

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO

NGUYỄN TUẤN HÒA

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THÚY LAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÙNG GIANG NAM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Trần Thị Thúy
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH